

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN TRƯỜNG XUÂN

**NGUYÊN TẮC PHÂN HÓA TRÁCH NHIỆM HÌNH
SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI
TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 8380104

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỐ TỤNG HÌNH SỰ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

GS.TS. VÕ KHÁNH VINH

Hà Nội – 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác.

Tác giả luận văn

NGUYỄN TRƯỜNG XUÂN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN TẮC PHÂN HÓA TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI	7
1.1. Trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội	7
1.2. Khái niệm và căn cứ của nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội	16
1.3. Nội dung nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội	26
CHƯƠNG 2: SỰ THỂ HIỆN CỦA NGUYÊN TẮC PHÂN HÓA TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	35
2.1. Sự thể hiện của nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong các quy định của pháp luật hình sự	35
2.2. Sự thể hiện của nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong các quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt	53
CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC PHÂN HÓA TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI	63
3.1. Hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự	63
3.2. Nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật	68
3.3. Nâng cao năng lực của các chủ thể áp dụng pháp luật	70
KẾT LUẬN	73
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	75

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BL TTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
TTHS	: Tố tụng hình sự
BLHS	: Bộ luật hình sự
BLDS	: Bộ luật dân sự
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
PH TNHS	: Phân hóa trách nhiệm hình sự
NCTN	: Người chưa thành niên
TA	: Tòa án
TA NDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
VKS	: Viện kiểm sát
VKS NDTC	: Viện kiểm sát nhân dân tối cao
THTT	: Tiến hành tố tụng
HĐXX	: Hội đồng xét xử
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của Đề tài

Pháp luật hình sự với tư cách là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, điều chỉnh các quan hệ xã hội về mặt hình sự. Nó luôn tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ đến các quan hệ xã hội nói chung và tới các quan hệ xã hội mà pháp luật hình sự điều chỉnh nói riêng. Để pháp luật hình sự là công cụ, phương tiện quan trọng trong đấu tranh, phòng chống tội phạm đòi hỏi pháp luật hình sự phải được xây dựng đồng bộ, có tính khoa học, tính nhân văn, tính nhân đạo sâu sắc và phân hóa rõ TNHS của các chủ thể bị tác động, điều chỉnh, nhằm đảm bảo quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013.

Người dưới 18 tuổi (hay còn gọi là thanh niên, thiếu niên), là hạnh phúc của mỗi gia đình, thế hệ tương lai của đất nước, lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bác Hồ từng dạy "*Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người*", lời dạy của Bác về giáo dục thế hệ trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước đến nay vẫn có ý nghĩa giáo dục sâu sắc. Nhận thức nhiệm vụ giáo dục thế hệ trẻ nói chung, giáo dục thanh thiếu niên nói riêng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của đất nước. Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm chăm sóc, giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ và phòng ngừa, ngăn chặn người dưới 18 tuổi có hành vi vi phạm pháp luật là nhiệm vụ hàng đầu.

Trong những năm qua, tình trạng người dưới 18 tuổi phạm tội ngày một gia tăng cả về số lượng, số vụ và tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội. Trước tình hình đó Đảng, Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp nhằm ngăn chặn người dưới 18 tuổi phạm tội, trong đó BLHS được xem như là một công cụ sắc bén, hữu hiệu để đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện nói riêng. Kế thừa, phát triển BLHS 1999 về phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 đã dành một chương để quy định về người dưới 18 tuổi phạm tội tại chương XII: "*Những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội*". Trong đó, đã thể hiện nội dung nguyên tắc phân hóa TNHS đối với

người dưới 18 tuổi phạm tội như: nguyên tắc xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, các biện pháp tư pháp hình sự; hình phạt, quyết định hình phạt; miễn giảm hình phạt, xóa án tích áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy nhiên, các quy định của Bộ luật hình sự về phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội còn bộc lộ một số hạn chế, thiếu sót, chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện.

Vì vậy, nghiên cứu một cách có hệ thống nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam không chỉ là vấn đề mang tính lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc trong thực hiện chính sách nhân đạo của luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật hiện hành về phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Với nhận thức trên, tác giả đã lựa chọn đề tài ***“Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật hình sự Việt Nam là vấn đề có tính nguyên tắc, phức tạp đòi hỏi cần được nghiên cứu, làm rõ. Thời gian qua, ở các mức độ khác nhau có rất nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến nguyên tắc phân hóa TNHS như:

- Về Luận văn thạc sĩ Luật học tiêu biểu có các công trình nghiên cứu của các tác giả: Phạm Văn Báu: *“Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong luật Hình sự Việt Nam”*; Đỗ Thị Phượng: *“Nguyên tắc phân hóa TNHS và sự thể hiện của nó trong BLHS năm 1999”*; Phạm Hùng Việt: *“Nguyên tắc phân hóa và cá thể hóa TNHS trong LHS Việt Nam”*; Đào Thị Nga: *“Quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội”*; Trần Văn Dũng: *“Trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội”*; Nguyễn Minh Khuê: *“Quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội”*...

- Về Luận án tiến sĩ Luật học tiêu biểu có các công trình nghiên cứu của các tác giả: Trương Minh Mạnh: *“Phân loại tội phạm theo LHS Việt Nam”*; Cao Thị

Oanh: “Nguyên tắc phân hóa TNHS trong luật hình sự Việt Nam”; Nguyễn Sơn: “Các hình phạt chính trong luật hình sự Việt Nam”; Hồ Sỹ Sơn: “Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam”; Võ Khánh Vinh: “Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam”; Trịnh Tiến Việt: “Những vấn đề lý luận và thực tiễn về miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam”...

- Ngoài ra còn có các công trình nghiên cứu của các tác giả đăng trên tạp chí chuyên ngành: “Nguyên tắc cá thể hóa việc quyết định hình phạt” của Võ Khánh Vinh tạp chí TAND, số 8/1990; “Bản chất và vai trò của các nguyên tắc luật hình sự Việt Nam” của Đào Trí Úc, tạp chí NN và PL, số 1/1999; “Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự trong BLHS 1999” của Nguyễn Ngọc Hòa, tạp chí Luật học, số 2/2000; “Sự thể hiện của nguyên tắc phân hóa TNHS trong việc xây dựng các cấu thành tội phạm cụ thể” và “Biểu hiện của nguyên tắc phân hóa TNHS trong các quy định về chế tài hình sự thuộc phần các tội phạm” của Cao Thị Oanh, tạp chí NN và PL, số 2/2006, số 7/2006; “Chính sách hình sự áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định trong BLHS năm 2015” của Trương Quang Vinh, tạp chí Luật học, số 4/2016; “Những điểm mới trong BLHS 2015 về các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội” của Nguyễn Thị Xuân, tạp chí Luật học, số 5/2017; “Xử lý chuyển hướng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của BLHS năm 2015” của Mai Thị Thủy, tạp chí Luật học, số 6/2017; “Thủ tục xét xử vụ án hình sự đối với người dưới 18 tuổi tại tòa án gia đình và người dưới 18 tuổi của một số quốc gia trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam” của Nguyễn Phương Thảo, tạp chí Luật học, số 5/2016.

Các công trình nghiên cứu khoa học trên đã làm rõ nhiều nội dung, vấn đề liên quan của nguyên tắc phân hóa TNHS. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, đồng bộ và toàn diện ở cấp độ luận văn thạc sĩ về nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Do vậy, việc nghiên cứu một cách hệ thống các quy định của pháp luật hình sự về phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đã và đang có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn sâu sắc trong đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện nói riêng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là làm rõ những vấn đề lý luận về nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, trên cơ sở đó đề xuất các kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn quy định của pháp luật hình sự về nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện đang ngày một gia tăng ở nước ta hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Với mục đích nghiên cứu như đã đề cập ở trên, luận văn tập trung vào việc giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Phân tích làm rõ những vấn đề lý luận về trách nhiệm hình sự, nguyên tắc xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; khái niệm, căn cứ, nội dung của nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

- Phân tích làm rõ sự thể hiện của nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong các quy định của pháp luật hình sự về tội phạm, hình phạt; các quy định về miễn TNHS, hình phạt.

- Phân tích làm rõ sự thể hiện của nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong các quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt.

Trên cơ sở giải quyết những vấn đề lý luận, phân tích các quy định của pháp luật hình sự, tác giả đưa ra kiến nghị đề xuất các giải pháp bảo đảm thực hiện nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm hạn chế những sai sót xảy ra trên thực tế.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài sẽ tập trung nghiên cứu các vấn đề sau:

- Nghiên cứu những vấn đề chung về nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội: Khái niệm về người dưới 18 tuổi phạm tội; Nguyên

tắc xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; Khái niệm nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; Căn cứ phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và nội dung của nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

- Phân tích sự thể hiện của nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong các quy định của BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đề xuất các kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên thực tiễn.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung vào những vấn đề lý luận về nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành và thực tiễn áp dụng nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thông qua việc nghiên cứu, đánh giá một số bản án của Tòa án trong quá trình giải quyết, xử lý các vụ án liên quan đến TNHS của người dưới 18 tuổi phạm tội.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận nghiên cứu

Cơ sở phương pháp luận của việc nghiên cứu là hệ thống các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước về chính sách hình sự, tư tưởng về phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; các văn bản pháp luật hình sự; các công trình nghiên cứu khoa học về trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phương pháp hệ thống, lịch sử, lôgic, phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp, chọn lọc kinh nghiệm thực tiễn và tri thức khoa học luật hình sự để luận chứng các vấn đề cần nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Đây là luận văn thạc sỹ luật học đầu tiên trong khoa học luật hình sự nghiên cứu một cách có hệ thống nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Luận văn tập trung phân tích và làm rõ những vấn đề cơ bản về nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như: Khái niệm về nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; căn cứ, nội dung của nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật hình sự Việt Nam 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Qua đó tạo sự thống nhất trong nhận thức và áp dụng nguyên tắc này đạt hiệu quả trên thực tiễn.

Mặt khác, luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo trong công tác giảng dạy và nghiên cứu môn học luật hình sự. Những kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được vận dụng trong công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội ở nước ta hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 về nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, luận văn đã chỉ ra một số điểm còn chưa phù hợp, vướng mắc trong quá trình áp dụng nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Chương 2: Sự thể hiện của nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam.

Chương 3: Các giải pháp bảo đảm thực hiện nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN TẮC PHÂN HÓA TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI

1.1. Trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội

1.1.1. Khái niệm người dưới 18 tuổi phạm tội

Người dưới 18 tuổi phạm tội là một vấn đề, hiện tượng tồn tại ở tất cả các quốc gia trên thế giới. Theo đó, mỗi quốc gia giải quyết vấn đề này dựa trên những điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, tập quán, pháp luật mà có cách tiếp cận khác nhau nhưng đều nhằm mục đích tôn trọng, bảo vệ các quyền, lợi ích của người dưới 18 tuổi phạm tội và giáo dục, cải tạo, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, làm lại cuộc đời để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Điều 1 Công ước quốc tế về quyền trẻ em được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 20/11/1989 có ghi: *“Trong phạm vi Công ước này, trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng đối với trẻ em có quy định tuổi thành niên sớm hơn”*. Công ước này cũng ghi nhận: *“Ghi nhớ rằng do còn non nớt về thể chất và trí tuệ, trẻ em cần được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý trước cũng như sau khi ra đời như đã chỉ ra trong Tuyên ngôn về quyền trẻ em. Không trẻ em nào bị tra tấn hoặc bị đối xử hoặc trừng phạt tàn tệ, vô nhân đạo hay làm mất phẩm giá; không được xử tử hình hoặc tù chung thân mà không có khả năng phóng thích. Ngoài ra, không một trẻ em nào bị tước quyền tự do một cách bất hợp pháp hoặc tùy tiện. Việc bắt giam, giữ hoặc bỏ tù trẻ em phải được tiến hành theo luật pháp và chỉ được sử dụng đến như một biện pháp cuối cùng trong thời hạn thích hợp ngắn nhất”* (Điều 37).

Hiện nay, ngày càng nhiều quốc gia đã đưa các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế về tôn trọng và bảo vệ các quyền của người dưới 18 tuổi vào trong các văn bản của pháp luật quốc gia, đồng thời, việc tăng cường bảo vệ các quyền của trẻ em, quyền của người dưới 18 tuổi cũng là một khía cạnh quan trọng trong hoạt động của các cơ quan và nhiều chương trình của Liên hợp quốc. Bởi lẽ, *trẻ em - người dưới 18 tuổi*

trong pháp luật nói chung và trong pháp luật hình sự nói riêng là một vấn đề được cả thế giới quan tâm. Tuy nhiên, những năm gần đây, tình trạng người dưới 18 tuổi phạm tội đang ngày một tăng cả về số lượng, tính chất lẫn mức độ vi phạm nghiêm trọng mà Hội nghị lần thứ tám của Liên hợp quốc về phòng ngừa và xử lý tội phạm coi đó là “*vấn đề toàn cầu*” [12, tr.10,11].

Khái niệm về trẻ em hay người dưới 18 tuổi, trong pháp luật quốc tế không dựa vào những đặc điểm tâm - sinh lý hay sự phát triển thể chất, tinh thần... mà trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua việc xác định độ tuổi (*đều giới hạn là dưới 18 tuổi*); đồng thời đưa ra khả năng mở cho các quốc gia, tùy điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa, truyền thống, lịch sử, phong tục và thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện ở nước mình có thể quy định độ tuổi đó sớm hơn.

Xuất phát từ khách thể của các quan hệ xã hội cần bảo vệ trong pháp luật Việt Nam, mà từng ngành luật của nước ta có sự quy định về độ tuổi khác nhau. Điều 20, 21 của BLDS Việt Nam quy định: “*Người thành niên là người từ đủ 18 tuổi trở lên*”; “*Người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi*”; Điều 1 Luật trẻ em năm 2016 quy định: “*Trẻ em là người dưới 16 tuổi*”. Theo luật hình sự Việt Nam, người dưới 18 tuổi là người chưa phát triển đầy đủ, toàn diện về thể lực, trí tuệ, tinh thần, chưa có đầy đủ quyền, nghĩa vụ công dân; chưa thể nhận thức đầy đủ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình thực hiện là đúng, hay sai cũng như ý thức được phần nào, việc gì là đúng pháp luật, việc gì là trái pháp luật, bị pháp luật cấm. Sự hiểu biết của họ về các mặt của cuộc sống xã hội cũng chưa đủ để có thể lựa chọn và quyết định cách xử sự phù hợp với chuẩn mực của xã hội. “Ở người dưới 18 tuổi đang diễn ra một sự biến đổi sâu sắc về sinh học, có những mâu thuẫn gay gắt trong sự phát triển nhân cách - tâm lý. Sự phát triển về thể chất và về các đặc điểm nhân thân khác của người dưới 18 tuổi chịu sự tác động có tính quyết định của môi trường sống và dẫn đến một thực tế là: Họ không biết, hiểu sai hoặc không chấp nhận các chuẩn mực hiện hành” [15, tr. 17]. Vì vậy, pháp luật hình sự Việt Nam không coi người dưới 18 tuổi phạm tội là người có năng lực TNHS đầy đủ như những người đủ 18 trở lên tuổi phạm tội.

Đồng tình với quan điểm này, GS.TSKH. Lê Cẩm và TS. Đỗ Thị Phượng khẳng định “*Người dưới 18 tuổi phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi có*

năng lực TNHS chưa đầy đủ, do hạn chế bởi các đặc điểm về tâm sinh lý và đã có lỗi (cố ý hoặc vô ý) trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm” [11, tr. 9]. Các tác giả chỉ ra năm dấu hiệu cơ bản về người dưới 18 tuổi phạm tội dưới khía cạnh pháp lý hình sự là: 1) Từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi; 2) Có năng lực TNHS chưa đầy đủ do sự hạn chế bởi các đặc điểm tâm sinh lý; 3) Đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; 4) Hành vi mà người dưới 18 tuổi thực hiện là hành vi bị pháp luật hình sự cấm; 5) Có lỗi (cố ý hoặc vô ý) trong việc thực hiện hành vi đó [11, tr. 9].

Căn cứ vào quy định tại Chương XII của BLHS năm 2015 và thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện, cũng như các đặc điểm liên quan đến tâm - sinh lý, điều kiện kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội, lịch sử, truyền thống của nước ta và trên cơ sở kết quả của nhiều công trình khoa học nghiên cứu về người dưới 18 tuổi phạm tội, chúng ta có thể hiểu khái niệm người dưới 18 tuổi phạm tội như sau: *Người dưới 18 tuổi phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà luật hình sự quy định là tội phạm và phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi do Tòa án nhân dân n hà nước áp dụng đối với người phạm tội tùy thuộc vào tính chất, mức độ của hành vi nguy hiểm cho xã hội mà người đó thực hiện theo một trình tự, thủ tục tố tụng đặc biệt.*

1.1.2. Nguyên tắc xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Chính sách hình sự của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là những tư tưởng, quan điểm chỉ đạo có tính nguyên tắc trong xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm bảo đảm các quyền và lợi ích của người dưới 18 tuổi phạm tội phù hợp với Công ước và pháp luật quốc tế về quyền trẻ em góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện. Với phương châm giúp các em nhận thức, sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX khẳng định: *“Chính sách chăm sóc, bảo vệ trẻ em tập trung vào thực hiện quyền trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn và lành mạnh, phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức...” [3, tr. 107].*

Mặt khác, con người không phải sinh ra đã có năng lực TNHS mà phải trải qua một quá trình hoạt động, giáo dục nhận thức trong điều kiện hoàn cảnh xã hội cụ thể và khi đạt đến một độ tuổi nhất định thì mới có năng lực TNHS đầy đủ (*tức là có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi*). Điều 12 BLHS năm 2015 quy định tuổi chịu TNHS, như sau: *“Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS; người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm”*. Như vậy, theo pháp luật hình sự Việt Nam, người dưới 18 tuổi phạm tội bao gồm người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi. Trong đó, nhà làm luật đã phân hóa TNHS của người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi bằng cách quy định những người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về những tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng (theo khoản 2, Điều 12, BLHS), còn những người từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phải chịu TNHS về mọi tội. Việc xác định tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hay tội phạm đặc biệt nghiêm trọng căn cứ quy định tại Điều 9 của BLHS năm 2015.

Mặt khác, Điều 90 BLHS năm 2015, quy định: *“Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu TNHS theo những quy định của Chương này; theo quy định khác của Phần thứ nhất của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này”*. Theo đó, những người dưới 14 tuổi phạm tội không phải chịu TNHS về hành vi mà họ thực hiện cho dù hành vi đó có dấu hiệu của tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS. Bởi các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự cho rằng người dưới 14 tuổi chưa có năng lực TNHS, họ chưa có ý thức đúng đắn về hành vi vi phạm pháp luật. Mặc dù, có một số em tuy dưới 14 tuổi nhưng đã có ý thức tương đối đầy đủ về các hành động sai trái, vi phạm pháp luật, thậm chí có cả các hành động có tính chất nguy hiểm lớn cho xã hội, mà BLHS quy định là tội phạm. Tuy nhiên, luật hình sự không đặt ra vấn đề TNHS đối với các em đó, bởi những trường hợp như vậy mang tính cá biệt, không phổ biến, nên việc áp dụng các chế tài hình sự đối với người dưới 14 tuổi phạm tội không mang lại hiệu quả giáo dục, phòng ngừa chung, trái với quan điểm, chủ trương của Đảng và nhà nước ta về chăm sóc và bảo vệ trẻ em. Cho nên, việc áp dụng các biện pháp hành chính vừa đạt yêu cầu giáo dục, cải tạo đồng thời lại đáp ứng được yêu cầu phòng ngừa chung.

Vì vậy, khi xét xử các vụ án hình sự do người dưới 18 tuổi phạm thực hiện cần hạn chế tối đa việc truy cứu TNHS và áp dụng hình phạt đối với họ; hạn chế áp dụng các chế tài hình sự nghiêm khắc. Tuy nhiên, trong trường hợp phải áp dụng các chế tài của pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, cần tuân thủ nguyên tắc áp dụng theo hướng giảm nhẹ đáng kể và thấp hơn so với người đủ 18 tuổi trở lên phạm cùng một tội tương ứng. Điều 91 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định nguyên tắc xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, như sau:

Nguyên tắc thứ nhất - Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm.

Nguyên tắc này thể hiện tính nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam, các biện pháp áp dụng với người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu nhằm mục đích giáo dục cho họ thấy được tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, sự nghiêm minh của pháp luật, bản chất nhân đạo của các biện pháp khi áp dụng. Bởi như đã phân tích ở trên, người dưới 18 tuổi là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất, tâm sinh lý. Ở tuổi này, các em phát triển mạnh tính độc lập, muốn tách khỏi sự quản lý, kiểm soát của gia đình, phát triển cá tính mạnh mẽ và khi mong muốn điều gì, các em muốn được thỏa mãn nhu cầu ngay và có thể hành động bất chấp hậu quả, trong khi về mặt tư duy các em chưa phát triển, hiểu biết đầy đủ về pháp luật, về cuộc sống, về xã hội còn rất hạn chế nên họ chưa thể lựa chọn và quyết định cách xử sự phù hợp với chuẩn mực của xã hội dẫn đến vi phạm pháp luật [15, tr. 16].

Điều 3 Công ước quốc tế về quyền trẻ em được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 20/11/1989 có ghi: “*trong mọi hành động đối với trẻ em, dù là cơ quan phúc lợi xã hội của nhà nước hay của tư nhân, Tòa án, nhà chức trách hành chính hay cơ quan lập pháp, lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu*”. Nguyên tắc bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi phạm tội không có nghĩa là coi nhẹ lợi ích của Nhà nước, của xã hội, lợi ích hợp pháp của cá chủ thể khác, mà nguyên tắc này đòi hỏi các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tiến hành một

hoạt động liên quan đến trẻ em cần bảo đảm rằng quyết định đó là tốt nhất cho trẻ em. Đây là yêu cầu xuyên suốt của nguyên tắc cần phải tuân thủ cho dù áp dụng biện pháp xử lý nào đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Không chỉ có vậy, nó còn có ý nghĩa định hướng cho cán bộ tiến hành tố tụng tìm ra biện pháp phù hợp nhất khi xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Điều 415 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: *“Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán tiến hành tố tụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố và xét xử vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi”*.

Vì vậy, khi tiến hành điều tra, truy tố và xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội, đòi hỏi các chủ thể áp dụng pháp luật hình sự (*Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán*) phải là những người đã được đào tạo cơ bản hoặc có kinh nghiệm trong xử lý các vụ án hình sự liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội; có hiểu biết nhất định về đặc điểm tâm lý của người dưới 18 tuổi phạm tội. Ngoài ra, phải xác định khả năng nhận thức về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi do người dưới 18 tuổi phạm tội gây ra, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm từ đó giúp họ khắc phục, sửa chữa lỗi lầm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Khi biết được nguyên nhân và điều kiện phạm tội - lúc này các cơ quan bảo vệ pháp luật có biện pháp loại bỏ cả nguyên nhân và điều kiện phạm tội từ phía bản thân người phạm tội cũng như từ môi trường xã hội, qua đó góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện, cũng như có chính sách hình sự phù hợp đối với họ khi xử lý.

Nguyên tắc thứ hai - Người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của BLHS năm 2015, thì có thể được miễn TNHS và áp dụng các biện pháp quy định tại Mục 2 Chương XII BLHS năm 2015. Đây là nguyên tắc thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước ta đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nó có ý nghĩa chính trị, xã hội và pháp lý to lớn, nhằm động viên, khuyến khích người dưới 18 tuổi phạm tội lập công chuộc tội; chứng tỏ khả năng giáo dục, cải tạo, tái hòa nhập cộng đồng để trở thành người có ích cho xã hội.

Cùng với các quy định của Điều 29 BLHS năm 2015 quy định về miễn TNHS, các trường hợp miễn TNHS khác được quy định tại (Điều 16; Điều 21; khoản 4

Điều 110; đoạn 2 khoản 7 Điều 364; khoản 6 Điều 365 và khoản 2 Điều 390). Nhà làm luật quy định rõ trong BLHS các trường hợp đương nhiên được miễn TNHS và các trường hợp miễn TNHS có tính lựa chọn. Là một trường hợp lựa chọn, việc áp dụng hay không áp dụng chế định miễn TNHS phụ thuộc vào nhiều yếu tố: ý chí của chủ thể áp dụng pháp luật; giai đoạn TTHS; tình hình thực tế vụ án và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng khả năng tự cải tạo của người dưới 18 tuổi phạm tội trong môi trường xã hội bình thường, điều kiện có thể được miễn TNHS, là:

Một là, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật này (trừ tội phạm quy định tại các điều 123, 134, 141, 142, 144, 150, 151, 168, 171, 248, 249, 250, 251 và 252), tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả thì có thể được miễn TNHS.

Hai là, người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng (trừ tội phạm quy định tại các Điều 134, 141, 171, 248, 249, 250, 251 và 252).

Ba là, người dưới 18 tuổi là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án. Đây là chế định mới được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong tội phạm có tổ chức. Do đó, khi xác định TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong tổ chức, đòi hỏi các cơ quan tố tụng cần căn cứ vào loại tội phạm, vai trò của từng cá nhân trong tổ chức để quy định liều lượng TNHS cho phù hợp với hành vi phạm tội của từng người cụ thể.

Bên cạnh đó, người dưới 18 tuổi phạm tội trong trường hợp được miễn TNHS có thể được áp dụng ngay các biện pháp xử lý chuyên hướng như khiển trách; hòa giải tại cộng đồng; giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Tuy nhiên việc áp dụng các biện pháp tư pháp hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ được thực hiện khi người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc người đại diện hợp pháp của họ đồng ý với việc áp dụng một trong các biện pháp trên. Điều đó có nghĩa, nếu như người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc người đại diện hợp pháp của họ không đồng ý thì biện pháp tư pháp hình sự này sẽ không được áp dụng. Vì vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng cần xem xét, áp dụng biện pháp tư pháp hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội sao cho phù hợp, góp phần cải tạo, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội.

Nguyên tắc thứ ba - Việc truy cứu TNHS người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào những đặc điểm về nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

Điều này có nghĩa không phải mọi trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội đều bị truy cứu TNHS. Việc truy cứu TNHS chỉ được đặt ra khi nó thật sự cần thiết và ngay cả khi người dưới 18 tuổi phạm tội thì họ vẫn có khả năng không bị truy cứu TNHS nếu hành vi của họ thỏa mãn khoản 2 Điều 91. Mục đích của truy cứu TNHS ngoài việc trừng trị người phạm tội, còn nhằm “*thay đổi bản chất xã hội trong nhân thân người phạm tội, ngăn ngừa họ phạm tội mới*”. Do đó, khi truy cứu TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ngoài việc đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội còn nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện.

Nguyên tắc thứ tư - Khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại Mục 3 Chương này không đảm bảo hiệu quả giáo dục, phòng ngừa.

Không phải mọi trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội bị truy cứu TNHS đều bị áp dụng hình phạt, việc áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ đặt ra trong trường hợp khi Tòa án đã áp dụng các biện pháp tư pháp hình sự được quy định tại Mục 2 hoặc Mục 3 Chương XII đối với người dưới 18 tuổi phạm tội mà không đem lại hiệu quả giáo dục, phòng ngừa. Điều 37 Công ước Quyền trẻ em: “*Việc bắt, giam giữ hoặc phạt tù trẻ em... phải là biện pháp cuối cùng trong thời hạn thích hợp ngắn nhất*”. Như vậy, theo tinh thần của Công ước Quốc tế về quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế liên quan đến quyền tư pháp thì hình phạt tù chỉ áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi không còn cách nào khác.

Nguyên tắc thứ năm - Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Tù chung thân hoặc tử hình là những hình phạt có tính chất nghiêm khắc cao, chỉ áp dụng đối với trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Theo nguyên tắc

thứ nhất “việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, cải tạo họ...”. Do đó, không thể áp dụng các hình phạt nghiêm khắc này với họ. Khoản 2 Điều 91, BLHS còn quy định người dưới 18 tuổi phạm tội có thể được miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp tư pháp hình sự nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng, cá biệt có thể phạm tội rất nghiêm trọng, là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án và tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, có nhiều tình tiết giảm nhẹ... Mặt khác, hình phạt tù chung thân là hình phạt tù không thời hạn được áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình; hình phạt tử hình chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Trong khi đó, người dưới 18 tuổi chưa phải là người trưởng thành, có những hạn chế nhất định về khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi nên không thể áp dụng loại hình phạt nghiêm khắc này với họ.

Nguyên tắc sáu - Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và thời hạn thích hợp ngắn nhất. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước áp dụng đối với người phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Việc áp dụng hình phạt đối với người phạm tội không chỉ có ý nghĩa trừng trị, mà quan trọng hơn là phải chứa đựng được tính giáo dục, làm cho người phạm tội nhận ra được những sai lầm của mình để họ tự cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa, nghĩa là buộc phải cách ly người dưới 18 tuổi phạm tội khỏi cộng đồng, để tránh những ảnh hưởng và tác động tiêu cực do người đó gây ra. Khi xử phạt tù, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên trong cùng một tội phạm tương ứng. Mặt khác, người dưới 18 tuổi là những người mới lớn, chưa có những đặc điểm như người đã trưởng thành nên không thể áp dụng hình phạt bổ sung đối với họ.

Nguyên tắc thứ bảy - án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Nguyên tắc này không những thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng trong chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, mà còn tạo điều kiện để người dưới 18 tuổi tái hòa nhập cộng đồng, phát triển lành mạnh cả về thể chất và tinh thần, cũng như tránh những mặc cảm tội lỗi của bản thân gây ra và cái nhìn thiếu thiện cảm, dị nghị của xã hội đối với người đó khi người đó trưởng thành.

Tóm lại, những quy định tại Điều 91 Chương XII của BLHS năm 2015 đã thể hiện đậm nét nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, biểu thị lòng tin của Nhà nước, xã hội vào khả năng cải tạo, giáo dục, sửa chữa sai lầm của người dưới 18 tuổi phạm tội để trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

1.2. Khái niệm và căn cứ của nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

1.2.1. Khái niệm nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Sửa lại cho gọn).

Theo quan điểm của triết học, nguyên tắc đó là “... những tư tưởng xuất phát điểm có tính chủ đạo, tính định hướng cơ bản của hành động” [16, tr. 21,22]. Theo từ điển Tiếng Việt, thuật ngữ “nguyên tắc” được hiểu là “điều cơ bản định ra, nhất thiết phải tuân theo trong một loạt việc làm” [27, tr. 678]. Như vậy, phân hóa nói chung được hiểu là sự phân loại, đánh giá một cách khác biệt các đối tượng khác nhau dựa trên những tiêu chí nhất định. Theo PGS.TS. Cao Thị Oanh tiêu chí đó là “tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội trong thực tiễn, gắn với yêu cầu phòng chống tội phạm” [22, tr.13]. Vì vậy, việc tạo ra cơ sở pháp lý trong luật hình sự để giải quyết vấn đề TNHS đối với mỗi trường hợp phạm tội cụ thể cần tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc phân hóa TNHS.

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, thể hiện ý chí của nhà nước và phản ánh những nhu cầu khách quan của đời sống nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội theo một trật tự chung thống nhất. C.Mác cho rằng “...nhà làm luật không làm ra luật, không sáng chế ra chúng mà chỉ hình thức hóa, thể hiện vào trong các đạo luật có ý thức những quy

luật nội tại của các quan hệ xã hội” [29, tr. 133]. Do vậy, pháp luật trước tiên “phải dựa trên các cơ sở của xã hội, phải thể hiện được những lợi ích và nhu cầu chung phát sinh từ phương thức sản xuất vật chất hiện hữu để đối lập với sự tùy tiện của cá nhân riêng rẽ” [6, tr. 259]. GS.TSKH. Lê Cẩm khẳng định “nguyên tắc của luật hình sự là tư tưởng chủ đạo và định hướng cơ bản được thể hiện trong PLHS, cũng như trong việc giải thích và trong thực tiễn áp dụng PLHS thông qua một hay nhiều quy phạm hoặc chế định của nó” [8, tr. 29]; cũng theo GS.TSKH Đào Trí Úc thì “nguyên tắc của luật hình sự là tư tưởng chỉ đạo và định hướng đường lối cho toàn bộ quá trình quy định tội phạm và hình phạt, áp dụng pháp luật hình sự trong thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử” [31, tr. 222].

TNHS là một dạng trách nhiệm pháp lý đặc biệt buộc người phạm tội nói chung và người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng phải chịu những hậu quả pháp lý bất lợi do hành vi phạm tội của mình gây ra và được thể hiện thông qua các quy định về tội phạm, hình phạt. Trong đó, hình phạt là hình thức trách nhiệm pháp lý có tính cưỡng chế nghiêm khắc nhất. TNHS được áp dụng đối với người phạm tội sẽ tác động rất lớn đến bản thân người đó cũng như những người xung quanh và do đó nó có tác động tích cực đến hiệu quả đấu tranh, phòng, chống tội phạm. Có thể khẳng định rằng, nếu liều lượng TNHS được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phù hợp sẽ là động lực giúp người dưới 18 tuổi phạm tội phấn đấu khắc phục, sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho xã hội và ngược lại nếu TNHS áp dụng đối với họ quá nặng hay quá nhẹ sẽ không đem lại hiệu quả giáo dục dẫn đến việc sợ hãi hoặc xem thường pháp luật. Vì vậy, phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm là một yêu cầu tất yếu khách quan. Hiện nay, còn nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm phân hóa TNHS:

Nhóm quan điểm thứ nhất: Các tác giả cho rằng nguyên tắc phân hóa TNHS và nguyên tắc các thể hóa TNHS là một và chúng là nguyên tắc tồn tại xuyên suốt từ hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự. Theo quan điểm này, nguyên tắc phân hoá TNHS được hiểu là những khái niệm thể hiện thái độ xử lý có phân biệt của Nhà nước đối với các trường hợp phạm tội khác nhau, chúng được thể hiện trong các quy phạm pháp luật hình sự, trong các văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự cũng như trong hoạt động áp dụng

pháp luật hình sự. Tuy nhiên, giữa quan điểm thuộc nhóm vẫn có sự khác biệt nhưng đều khẳng định nguyên tắc này vừa được thể hiện trong luật vừa được thể hiện trong hoạt động áp dụng luật [32, tr. 9-24].

Nhóm quan điểm thứ hai: Cho rằng khái niệm phân hoá TNHS và khái niệm cá thể hoá TNHS có sự khác nhau, trong đó phân hoá TNHS là nguyên tắc được thể hiện trong luật còn cá thể hoá TNHS là nguyên tắc được thể hiện trong hoạt động áp dụng luật. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hoà đã thể hiện rõ quan điểm này khi khẳng định: *“Vấn đề phân hoá và cá thể hoá TNHS được đặt ra và được coi là một nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam. Nguyên tắc này không chỉ có ý nghĩa khi áp dụng luật hình sự mà đòi hỏi trước hết phải có sự phân hoá TNHS ngay trong luật và đó là cơ sở để có thể cá thể hoá TNHS trong thực tiễn áp dụng luật”*. Theo Từ điển giải thích thuật ngữ luật học thì phân hoá TNHS và cá thể hoá hình phạt được xác định là những nguyên tắc độc lập với quan điểm *“Để cá thể hoá hình phạt trong khi áp dụng luật đòi hỏi phải có sự phân hoá TNHS trong luật và giải thích luật. TNHS càng được phân hoá trong luật và trong giải thích luật thì càng có cơ sở cho việc cá thể hoá hình phạt trong áp dụng”* [25, tr. 22].

Do vậy có thể hiểu phân hoá TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là sự phân chia các trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội thành những nhóm khác nhau dựa trên nhóm tuổi, tính nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi thực hiện và những đặc điểm nhân thân của họ để từ đó quyết định hình phạt hoặc áp dụng các biện pháp tư pháp hình sự phù hợp với từng trường hợp phạm tội riêng biệt”.

Những nghiên cứu trên cho thấy hiện nay chưa có quan điểm thống nhất về khái niệm nguyên tắc phân hoá TNHS. Trong đó, khái niệm phân hoá TNHS được thể hiện trong luật với nội dung quy định đường lối xử lý có phân biệt đối với từng trường hợp phạm tội nhất định còn khái niệm cá thể hoá TNHS được thể hiện trong hoạt động áp dụng luật với nội dung vận dụng đường lối xử lý theo nguyên tắc phân hoá TNHS để giải quyết vấn đề TNHS cho từng trường hợp phạm tội riêng biệt. Như vậy, nguyên tắc phân hoá TNHS và nguyên tắc cá thể hoá TNHS là những nguyên tắc riêng biệt. Trong đó, phân hoá TNHS là nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt trong pháp luật hình sự thể hiện qua việc quy định đường lối xử lý có sự phân biệt đối với các

trường hợp phạm tội khác nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và các đặc điểm về nhân thân người phạm tội còn cá thể hoá TNHS là nguyên tắc thể hiện trong hoạt động áp dụng luật hình sự nhằm cá thể hoá TNHS cho người phạm tội trong từng trường hợp cụ thể với yêu cầu: *“Làm cho hình phạt được tuyên phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phù hợp với nhân thân người phạm tội cũng như hoàn cảnh phạm tội của họ”* [25, tr. 22]. Có thể nói, hai nguyên tắc này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong đó nguyên tắc phân hoá TNHS tạo ra cơ sở, nền tảng để cá thể hoá TNHS và ngược lại, nguyên tắc cá thể hoá TNHS chính là sự triển khai vận dụng tư tưởng phân hoá TNHS trong thực tiễn xét xử, là cầu nối trực tiếp để nguyên tắc phân hoá TNHS thể hiện giá trị.

Từ những phân tích trên, chúng ta có thể hiểu khái niệm nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như sau: *“Nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là hệ thống những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo và định hướng đường lối cho toàn bộ quá trình quy định, phân chia các trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội thành những nhóm khác nhau dựa trên độ tuổi, tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do người dưới 18 tuổi thực hiện và những đặc điểm nhân thân của họ để từ đó quyết định hình phạt hoặc áp dụng các biện pháp tư pháp hình sự phù hợp với từng trường hợp phạm tội riêng biệt”*.

1.2.2. Căn cứ của nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Căn cứ của nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là những tiêu chí mà nhà làm luật sử dụng để phân hóa tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện thành những nhóm khác nhau để từ đó quyết định liều lượng TNHS cho phù hợp với tính chất và hình vi phạm tội do họ gây ra. Những tiêu chí này khi được sử dụng sẽ tạo ra những nhóm cần được xử lý một cách khác biệt về TNHS. Các căn cứ phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội bao gồm:

a) Căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm

Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm về khách quan là gây ra hoặc đe dọa gây ra những thiệt hại đáng kể cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ, đây là đặc tính thể hiện bản chất của tội phạm. Vì vậy, gắn liền với vấn đề TNHS nhà làm luật bao giờ cũng phải quan tâm đến tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm.

Để xác định hành vi của một người nào đó là vi phạm pháp luật hình sự hay vi phạm pháp luật khác, Điều 8 BLHS năm 2015 quy định: “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS...*”. Đây là dấu hiệu quan trọng đầu tiên thể hiện bản chất, phản ánh thuộc tính xã hội (vật chất) của tội phạm, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của nhà làm luật hay bất kỳ ai. Bởi, tội phạm là hiện tượng tiêu cực của xã hội, nó tồn tại, phát triển cùng với sự tồn tại và phát triển của xã hội, do xã hội quyết định, biểu hiện thông qua những hành vi vi phạm pháp luật, sai lệch các chuẩn mực của xã hội, có tính lây lan, phổ biến và gây nguy hiểm cho xã hội được quy định trong luật hình sự. Ở mỗi giai đoạn lịch sử, điều kiện xã hội khác nhau thì quy định về tội phạm cũng khác nhau; khi các điều kiện xã hội thay đổi, quan điểm về tội phạm cũng thay đổi theo. Ví dụ: BLHS năm 1999 quy định người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS về tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng đối với bất kỳ tội danh nào. Nay theo BLHS năm 2015 quy định, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về tội rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong 28 điều, đó là các điều: 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304. Sở dĩ, BLHS năm 2015 có sự thay đổi như vậy là xuất phát từ thực tiễn hiện nay tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện ngày càng gia tăng cả về tính chất và số vụ vi phạm. Nếu vẫn giữ nguyên những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như BLHS năm 1999 thì số người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật hình sự tăng lên nhanh chóng, tạo áp lực lớn cho các cơ quan nhà nước nhất là các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện chính sách chăm sóc và bảo vệ trẻ em, gây tâm lý hoang mang trong xã hội. Mặt khác, với phương châm giáo dục, giúp đỡ người dưới 18 tuổi phạm tội nhận thức sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội, đòi hỏi chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phải thay đổi để phù hợp với những quy định mới về quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013 và công ước quốc tế về quyền trẻ em.

Hơn nữa, tội phạm được thực hiện trên thực tế rất khác nhau về tính nguy hiểm cho xã hội. Sự khác biệt đó không chỉ tồn tại giữa những trường hợp thực hiện tội phạm khác nhau mà tồn tại ngay trong trường hợp thực hiện cùng một tội phạm. C.Mác cho rằng: “*Nếu như khái niệm tội phạm giả định phải có sự trừng phạt, thì*

tội phạm thực tế lại giả định phải có một mức độ trừng phạt nhất định và làm cho sự trừng phạt trở thành hiệu quả thực tế của việc phạm tội. Dưới con mắt của người phạm tội, sự trừng phạt phải là kết quả tất yếu của hành vi của chính người đó - do đó phải là hành vi của chính người đó. Giới hạn hành vi của y phải là giới hạn của sự trừng phạt” [7, tr.169].

Với vai trò quan trọng đặc biệt của căn cứ tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, nhà làm luật xác định những hành vi nào bị coi là tội phạm được quy định trong luật hình sự. Sẽ không phải là hành vi phạm tội nếu hành vi đó không xâm hại, hoặc đe dọa xâm hại đến các quan hệ xã hội là khách thể bảo vệ của luật hình sự. Điều 8 BLHS năm 2015 xác định những khách thể cần bảo vệ được quy định trong luật hình sự, gồm: “*Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự*”. Đây là những quan hệ xã hội tương đối quan trọng hoặc quan trọng mà khi bị hành vi phạm tội xâm hại có thể gây nên những thiệt hại hoặc đe dọa gây nên những thiệt hại đáng kể cho các quan hệ xã hội mà pháp luật hình sự bảo vệ.

Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được phản ánh qua các yếu tố, như: Tính chất của quan hệ xã hội bị xâm hại; tính chất của hành vi phạm tội; thủ đoạn, công cụ, phương tiện, hình thức thực hiện tội phạm, mức độ hậu quả của tội phạm và mức độ lỗi. Trong đó, quan hệ xã hội càng quan trọng thì tội phạm càng nguy hiểm; tội phạm thực hiện với lỗi cố ý bao giờ cũng nguy hiểm hơn tội phạm được thực hiện với lỗi vô ý tương ứng; tội phạm có tổ chức bao giờ cũng nguy hiểm hơn tội phạm đơn lẻ; hậu quả mà tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra càng nghiêm trọng thì tội phạm càng nguy hiểm. Do đó, để xác định đúng mức độ tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cần đánh giá một cách tổng hợp tất cả các yếu tố có liên quan.

Khi sử dụng căn cứ tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm để phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nhà làm luật cần lựa chọn những trường hợp phạm tội có tính nguy hiểm tương đương nhau để xếp chúng vào cùng một nhóm và tách những trường hợp có sự khác biệt đáng kể về tính nguy hiểm cho xã hội thành

các nhóm khác. Tuy nhiên, cũng không nên chia tách các hành vi có tính nguy hiểm cho xã hội tương đương nhau thành các nhóm khác nhau vì sẽ gây nên tình trạng quy phạm pháp luật trở nên vụ vật, sự phân hóa TNHS trở thành quá chi tiết. Ngược lại, cũng không nên nhập những trường hợp phạm tội có sự khác biệt rõ rệt về tính nguy hiểm cho xã hội vào cùng một nhóm, quy định cho chúng một khung chế tài có biên độ dao động lớn vì điều đó sẽ tạo ra những quy phạm pháp luật có tính phân hóa không cao, dễ dẫn đến việc áp dụng pháp luật tùy tiện hoặc không thống nhất.

Như vậy, Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm không những là căn cứ để phân biệt hành vi vi phạm pháp luật hình sự với vi phạm pháp luật khác, mà còn là cơ sở để đánh giá mức độ nghiêm trọng hay không nghiêm trọng của hành vi phạm tội để từ đó thực hiện yêu cầu cá thể hóa TNHS đối với người phạm tội.

b) Căn cứ vào nhóm tuổi

Bên cạnh tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, để truy cứu TNHS đối với người phạm tội phải căn cứ vào nhóm tuổi. Điều 12 BLHS năm 2015 quy định: *“Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong 28 điều, đó là Điều: 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của bộ luật này”*. Để xác định tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, khoản 3, 4 Điều 9 của BLHS năm 2015: *“Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là đến 15 năm tù; Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là từ trên 15 năm đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình”*.

Như vậy, Đối với những người dưới 14 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thì không phải chịu TNHS, cho dù hành vi của họ có nguy hiểm cho xã hội đến mức nào chăng nữa cũng không bị coi là tội phạm và họ không phải chịu TNHS. Những người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS về các tội

phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng nhưng không phải mọi tội mà chỉ một trong 28 tội được quy định tại khoản 2, Điều 12, BLHS năm 2015. Còn người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi được coi là có năng lực TNHS nên đương nhiên họ phải chịu TNHS về mọi tội phạm. Luật hình sự quy định như vậy là phù hợp với mức độ phát triển cả về mặt sinh học và nhận thức của người Việt Nam.

Mặt khác, đối với người dưới 18 tuổi, do chưa phát triển một cách toàn diện về nhận thức, tâm sinh lý, thể chất và tinh thần nên năng lực TNHS của họ cũng được coi là chưa đầy đủ và còn nhiều hạn chế. Chính vì vậy, bên cạnh yếu tố tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, pháp luật hình sự còn căn vào tuổi của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội để áp dụng liều lượng TNHS phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà họ gây ra, cũng như loại trừ các trường hợp không đủ điều kiện để áp dụng TNHS khi họ phạm tội.

Tuổi chịu TNHS có quan hệ trực tiếp với năng lực TNHS và với lỗi. Điều này có nghĩa, người được coi là có năng lực TNHS đầy đủ tại thời điểm thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm ở trong trạng thái bình thường, đạt độ tuổi theo quy định và có tính chất lỗi. Ngược lại, hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm và có tính chất lỗi nhưng được thực hiện bởi người không có năng lực TNHS hoặc người chưa đủ tuổi chịu TNHS thì không phải là tội phạm. Do đó, khi sử dụng căn cứ này, nhà làm luật cần lựa chọn trường hợp phạm tội có độ tuổi tương đương nhau để xếp chúng vào cùng một nhóm và tách những trường hợp phạm tội có sự khác biệt nhau về độ tuổi phạm tội thành các nhóm khác.

c) Căn cứ lỗi của tội phạm

Lỗi là thái độ chủ quan của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội dưới hình thức cố ý hoặc vô ý. Một người bị coi là có lỗi khi thực hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội trong khi có đủ điều kiện quyết định cách xử sự khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội. Điều 10, 11 BLHS năm 2015: “*Cố ý phạm tội là trường hợp người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra; hoặc người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó*

có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra”; “Vô ý phạm tội là trường hợp người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được; hoặc trong trường hợp người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó”.

Để truy cứu TNHS đối với người phạm tội ngoài căn cứ tính nguy hiểm cho xã hội và nhân thân người phạm tội còn căn cứ vào lỗi của tội phạm. Điều này có nghĩa việc áp dụng hình phạt đối với người phạm tội nhằm để họ nhận thức được mức độ lỗi của mình, từ đó tự giáo dục, cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội. Hay nói cách khác, mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội chỉ có thể đạt được nếu người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhận thức rõ lỗi của mình. Do đó, đối với người được xác định là không có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thì không phải là tội phạm nên không phải chịu TNHS.

Việc xác định lỗi của chủ thể khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng xác định hành vi đó là vi phạm pháp luật hình sự hay vi phạm pháp luật khác. Theo tác giả Lê Thị Thu Thủy: *“phân loại tội phạm trong luật hình sự là chia những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm thành từng loại (nhóm) nhất định theo những tiêu chí khác nhau để làm tiền đề cho việc cá thể hóa TNHS và hình phạt hoặc tha miễn TNHS và hình phạt”* [24, tr.35].

d) Căn cứ nhân thân người phạm tội

Nhân thân người phạm tội là tổng hợp những đặc điểm riêng biệt của người phạm tội vừa có ý nghĩa giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS vừa phản ánh khả năng tự cải tạo, giáo dục của người phạm tội, bảo đảm cho hình phạt đã tuyên đạt được mục đích trừng trị và cải tạo, giáo dục người phạm tội. Nó là một trong những yếu tố phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, mà tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm là một căn cứ cơ bản, quan trọng để phân hóa TNHS. Mặt khác, TNHS là trách nhiệm của cá nhân người phạm tội, không chỉ để trừng trị một người nào đó đã thực hiện tội phạm mà còn nhằm làm thay đổi bản

chất xã hội trong nhân thân người phạm tội, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Để đạt được mục đích này, trong căn cứ quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, còn phải nhắc đến yếu tố nhân thân của người phạm tội.

Phân hóa TNHS dựa trên đặc điểm nhân thân người phạm tội thể hiện ở khả năng tự giáo dục, cải tạo của người phạm tội. Bởi lẽ, khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội, Tòa án cần phải *“xác định loại và mức hình phạt cụ thể không chỉ tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà còn phù hợp với những đặc điểm về nhân thân của người phạm tội để đảm bảo cho hình phạt đã tuyên đạt được mục đích cải tạo, giáo dục người phạm tội”* [19, tr.261]; GS.TSKH. Đào Trí Úc cũng ủng hộ quan điểm này khi khẳng định: *“hình phạt phải thể hiện đầy đủ.... phương hướng cá thể hóa TNHS và phân hóa bọn tội phạm...tính được tối đa các yếu tố về nhân thân, hướng các hình phạt vào việc kích thích quá trình nhận thức, lấy cá nhân người phạm tội và nhận thức của họ làm căn cứ xuất phát đầu tiên của việc quy định và quyết định hình phạt”* [30, tr.84].

Khả năng giáo dục đối với người phạm tội càng thấp thì mức độ TNHS áp dụng đối với họ càng phải nghiêm khắc. Trong những trường hợp tội phạm được thực hiện có tính nguy hiểm cho xã hội tương đương nhau, trường hợp nào người phạm tội thể hiện khả năng giáo dục cải tạo tốt hơn thì trường hợp đó phải được quy định và áp dụng TNHS ít nghiêm khắc hơn. Ngược lại, trường hợp nào người phạm tội thể hiện khả năng giáo dục thấp hơn thì phải được quy định và áp dụng TNHS nghiêm khắc hơn. Ngoài ra, hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội cũng là yếu tố cần được cân nhắc khi xác định TNHS của họ.

Trong các căn cứ phân hóa TNHS, tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm là căn cứ chủ đạo quy định sự khác biệt về TNHS, căn cứ về độ tuổi, lỗi và nhân thân người phạm tội mang tính bổ sung. Một số trường hợp đặc biệt, yếu tố về độ tuổi là căn cứ chủ đạo để phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy nhiên, tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm là căn cứ chủ yếu để nhà làm luật quy định về tội phạm, hình phạt, các biện pháp tư pháp hình sự áp dụng đối với người dưới

18 tuổi phạm tội. Đồng thời, cũng là căn cứ để phân chia các trường hợp phạm tội thành các nhóm khác nhau.

1.3. Nội dung của nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Nguyên tắc phân hóa TNHS là *“những tư tưởng chỉ đạo và định hướng, được thể hiện thông qua toàn bộ nội dung của luật hình sự, bao gồm các chế định lớn, nhỏ và các quy phạm ở phần chung cũng như phần các tội phạm”* [31, tr.229], là căn cứ pháp lý để cá thể hóa TNHS - một trong những yêu cầu quan trọng của quyết định hình phạt, bảo đảm cho bản án đã tuyên đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và thể hiện bản chất nhân đạo, dân chủ của Nhà nước ta. Nội dung của nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được thể hiện trên 03 phương diện đó là: Phương diện nhận thức, lập pháp hình sự và áp dụng pháp luật hình sự.

1.3.1. Trên phương diện nhận thức

Ở phương diện nhận thức, đó là hệ thống các tư tưởng, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về chính sách hình sự đối với tội phạm nói chung và tội phạm do người dưới 18 tuổi nói riêng. Giữ vai trò định hướng, chỉ đạo hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự, góp phần đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện trên thực tiễn.

Căn cứ phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chính là sự đa dạng về tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội. Tội phạm được thực hiện trên thực tế rất khác nhau về tính nguy hiểm cho xã hội. Nguyên nhân của sự khác biệt này có thể là sự khác biệt về các quan hệ xã hội bị xâm hại, về tính chất của hành vi phạm tội... chính sự khác biệt về các yếu tố đó dẫn đến sự khác biệt về tính nguy hiểm cho xã hội của chúng. Ngoài ra, những đặc điểm về nhân thân người phạm tội cũng ảnh hưởng đến tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Như vậy, sự đa dạng về tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội đặt ra yêu cầu xử lý tội phạm theo hướng phân hóa TNHS nhằm đảm bảo cho bản án đã tuyên tương xứng với người phạm tội.

Nội dung của nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên phương diện nhận thức thể hiện ở quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước; nhà làm luật về sự cần thiết xử lý theo hướng phân hóa TNHS đối với các trường hợp phạm tội khác nhau. Với vai trò là tư tưởng chỉ đạo, định hướng toàn bộ quá trình xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự, đòi hỏi các quan Nhà nước, nhà làm luật phải hoạch định chính sách hình sự, đề ra các chủ trương, biện pháp trong xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm.

Tư tưởng, quan điểm, đường lối, chủ trương về phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội giữ vai trò định hướng, chỉ đạo toàn bộ hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự. Pháp luật với tư cách là công cụ, phương tiện để Nhà nước duy trì kỷ cương, kỷ luật và quản lý xã hội, mang bản chất, thể hiện ý chí và phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị, trong đó pháp luật hình sự được xem là công cụ quan trọng nhất để quản lý xã hội cũng như trừng trị những kẻ chống đối, vi phạm. Khi chính sách hình sự đối với người phạm tội thay đổi thì mức độ phân hóa TNHS cũng thay đổi theo. PGS.TS. Cao Thị Oanh cho rằng *“...mức độ phân hóa TNHS trong luật hình sự của các nhà nước khác nhau là khác nhau. Điều này xuất phát từ bản chất giai cấp của nhà nước và quan niệm của mỗi nhà nước về tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội là khác nhau từ đó đề ra chính sách xử lý tội phạm khác nhau...”* [22, tr.15].

Mặt khác, phân hóa TNHS được coi là phương tiện để chuyển tải tư tưởng nhân đạo của Nhà nước vào luật hình sự thông qua đường lối xử lý chủ yếu mang tính giáo dục, khoan hồng đối với người phạm tội. GS.TSKH. Đào Trí Úc cho rằng *“Hình phạt phải thể hiện đầy đủ... phương thức cá thể hóa TNHS và phân hóa bọn tội phạm... hướng các hình phạt vào việc kích thích quá trình nhận thức, lấy cá nhân người phạm tội và nhận thức của họ làm căn cứ xuất phát đầu tiên của việc quy định và quyết định hình phạt”* [30, tr.84].

Để thực hiện tốt vai trò định hướng, chỉ đạo hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự, đòi hỏi Nhà nước, nhà làm luật phải khái quát những vấn đề về chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (*quy định về tội phạm, phân*

loại tội phạm, hình phạt); quan điểm, đường lối xử lý mang tính phân hóa TNHS đối với các trường hợp phạm tội, nội dung gồm: 1) Phân hóa TNHS trong các quy định về nguyên tắc xử lý; 2) Phân hóa TNHS trong quy định đường lối xử lý hình sự đối với các trường hợp người dưới 18 tuổi phạm cùng một tội nhưng khác nhau về nhóm tuổi; 3) Phân hóa TNHS trong quy định đường lối xử lý hình sự đối với các trường hợp phạm cùng một tội nhưng khác nhau ở giai đoạn thực hiện; 4) Phân hóa TNHS trong quy định đường lối xử lý hình sự đối với trường hợp phạm cùng một tội nhưng khác nhau về tính nguy hiểm cho xã hội; 5) Phân hóa TNHS trong quy định đường lối xử lý hình sự đối với các tội phạm khác nhau; 6) Phân hóa TNHS trong quy định đường lối áp dụng các biện pháp tha, miễn TNHS... Trong đó, quy định về nguyên tắc xử lý hình sự đối với người phạm tội phản ánh khái quát quan điểm phân hóa TNHS, được thể hiện trong các quy định của BLHS năm 2015.

1.3.2. Trên phương diện lập pháp luật hình sự

Ở phương diện lập pháp hình sự, đó là sự cụ thể hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về pháp luật hình sự đối với người phạm tội thành các điều luật cụ thể quy định trong BLHS từ phần chung đến phần các tội phạm cụ thể, mang tính khoa học, phù hợp với tính đa dạng, phức tạp của tội phạm trong thực tiễn, giúp cho các chủ thể áp dụng pháp luật hình sự giải quyết đúng đắn TNHS đối với người phạm tội nói chung và người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng một cách chính xác, công bằng, đúng pháp luật. Nội dung nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên phương diện lập pháp hình sự thể hiện, như sau:

Thứ nhất, quy định sự khác nhau về tội phạm và phân loại tội phạm. Tội phạm được thực hiện trên thực tế rất khác nhau về tính nguy hiểm cho xã hội, vì vậy cần có sự phân loại tội phạm để từ đó xác định TNHS cho phù hợp với từng loại tội phạm cụ thể. “*Có thể nói rằng, quy định về tội phạm và phân loại tội phạm là quy định mang tính cơ sở của việc phân hóa TNHS và sự tồn tại của chúng là điều kiện bắt buộc để thực hiện nguyên tắc phân hóa TNHS trong luật*”. Nó gắn liền với bản chất của Nhà nước và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong từng giai đoạn lịch sử nhất

định; được thể hiện trực tiếp ở các quy định về tội phạm, hình phạt và các biện pháp tư pháp hình sự áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Thứ hai, quy định sự khác nhau về hình phạt và áp dụng hình phạt. Khi quy định hình phạt là một trong những căn cứ của nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, đòi hỏi hình phạt phải được quy định tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi tội phạm. Bảo đảm cho việc cá thể hóa TNHS được chính xác, khách quan, công minh, công bằng đúng pháp luật. Nghiên cứu vấn đề này, TS. Nguyễn Sơn khẳng định: “*Hệ thống các hình phạt phải bảo đảm nguyên tắc phân hóa TNHS và cá thể hóa hình phạt. Hệ thống đó càng đa dạng bao nhiêu thì khả năng phân hóa và cá thể hóa này càng được bảo đảm tốt bấy nhiêu. Ngược lại, nếu hệ thống hình phạt có ít các loại hình phạt thì khả năng đó bị hạn chế, sự lựa chọn cho việc phân hóa TNHS sẽ rất khó khăn*”.

Thứ ba, quy định sự khác nhau trong cấu thành tội phạm. Cấu thành tội phạm là những dấu hiệu đặc trưng của từng tội phạm cụ thể; là cơ sở pháp lý chủ yếu trong phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Trong hoạt động lập pháp hình sự, nhà làm luật phải quy định các yếu tố cấu thành tội phạm cơ bản, cấu thành tội phạm tăng nặng, giảm nhẹ. Việc quy định cấu thành tội phạm trong luật hình sự như thế nào để thỏa mãn những đòi hỏi khác nhau về phân loại tội phạm đó chính là đáp ứng yêu cầu của nguyên tắc phân hóa TNHS trong cấu thành tội phạm.

Thứ tư, quy định sự khác nhau trong thực hiện chế định miễn TNHS. Thể hiện ở quy định, điều kiện miễn TNHS bao gồm: các trường hợp đương nhiên được miễn TNHS và các trường hợp được miễn TNHS theo quy định của pháp luật hình sự.

Thứ năm, quy định đường lối xử lý khác nhau đối với các trường hợp phạm cùng một tội nhưng khác nhau về tuổi. Cơ sở nội dung phân hóa này bao gồm tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội. Thể hiện đường lối xử lý theo hướng khoan hồng, nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Với mọi trường hợp phạm tội thì TNHS của người dưới 18 tuổi phạm tội phải ít nghiêm khắc hơn so với trường hợp người đã đủ 18 tuổi phạm tội tương ứng.

Thứ sáu, quy định đường lối xử lý khác nhau đối với trường hợp phạm cùng một tội nhưng khác nhau về tính nguy hiểm cho xã hội. Nội dung này thể hiện qua việc sử dụng cấu thành tội phạm tăng nặng, cấu thành tội phạm giảm nhẹ để phân hóa TNHS giữa các trường hợp phạm tội trong cùng một khung hình phạt nhưng khác nhau về mức độ nguy hiểm cho xã hội. Các tình tiết này càng cụ thể hóa bao nhiêu thì càng thuận lợi cho cá thể hóa TNHS trong thực tiễn bấy nhiêu.

Thứ bảy, quy định đường lối xử lý khác nhau đối với các trường hợp phạm cùng một tội nhưng khác nhau về giai đoạn và hình thức thực hiện tội phạm. Nội dung phân hóa này thể hiện theo nguyên tắc TNHS đối với hành vi phạm tội ở giai đoạn hoàn thành nghiêm khắc hơn TNHS đối với hành vi phạm tội ở giai đoạn phạm tội chưa đạt; TNHS đối với hành vi phạm tội ở giai đoạn phạm tội chưa đạt nghiêm khắc hơn TNHS đối với hành vi phạm tội ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội; TNHS đối với hành vi phạm tội có tổ chức nghiêm khắc hơn TNHS đối với hành vi phạm tội đơn lẻ.

Tóm lại, trong hoạt động lập pháp hình sự, nội dung nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được thể hiện trên nhiều khía cạnh khác nhau: Từ việc phân loại tội phạm thành các nhóm khác nhau; quy định hệ thống hình phạt với nhiều hình phạt có tính nghiêm khắc khác nhau; quy định cấu thành tội phạm và chế tài áp dụng đối với các trường hợp phạm tội cơ bản, tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS. Như vậy, các quy định về tội phạm, hình phạt là những quy định giữ vai trò chỉ đạo việc phân hóa TNHS và những quy định về TNHS là nơi trực tiếp thể hiện kết quả của hoạt động phân hóa TNHS.

1.3.3. Trên phương diện áp dụng pháp luật hình sự

Là quá trình áp dụng các quy định, điều, khoản của luật hình sự nhằm cá thể hóa TNHS đối với tội phạm xảy ra trên thực tiễn. Việc áp dụng điều, khoản nào của luật hình sự đối với người phạm tội căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi nguy hiểm cho xã hội của tội phạm do họ gây ra gắn với những đặc điểm nhân thân người phạm tội để quyết định hình phạt cho phù hợp. Ở phương diện này, nguyên tắc phân hóa TNHS tạo cơ sở cho chủ thể áp dụng pháp luật hình sự thực hiện tốt yêu cầu cá thể hóa TNHS.

TNHS là hậu quả pháp lý bất lợi của người phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước, được thể hiện bằng việc Nhà nước áp dụng đối với người phạm tội một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế của nhà nước do BLHS quy định [24, tr.39]. Căn cứ quy định của BLHS, trên cơ sở tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS... chủ thể áp dụng pháp luật hình sự lựa chọn, quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội xảy ra trên thực tiễn. Bản chất của quá trình này chính là việc chủ thể áp dụng pháp luật lựa chọn, quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội hay nói cách khác đó là kết quả của sự cá thể hóa TNHS đối với người phạm tội.

Mặt khác, tội phạm trên thực tiễn diễn ra ở nhiều lĩnh vực, nhiều ngành nghề, nhiều lứa tuổi và trong những điều kiện cụ thể khác nhau. Để cá thể hóa TNHS đối với người phạm tội, nhà làm luật đã xây dựng hệ thống các quy định về tội phạm, hình phạt thể hiện sự phân hóa tối đa trên cơ sở tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội. Chính sự quy định này, tạo thuận lợi cho chủ thể thực hiện yêu cầu cá thể hóa TNHS đối với từng trường hợp phạm tội bảo đảm tính khách quan, chính xác, công bằng. Việc lựa chọn, áp dụng hình phạt như thế nào đối với người phạm tội, đòi hỏi các chủ thể áp dụng pháp luật phải căn cứ vào rất nhiều yếu tố, như: Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, nhân thân người phạm tội, yếu tố lỗi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS.... Trong đó, quy định về tội phạm là những quy định đầu tiên có ý nghĩa quyết định đến TNHS của người phạm tội, chúng phản ánh mức độ TNHS mà người phạm tội phải chịu. Nếu tư tưởng phân hóa TNHS được thể hiện tốt trong các quy định về tội phạm, hình phạt sẽ góp phần thực hiện triệt để nguyên tắc phân hóa TNHS.

Như vậy, quy định về TNHS là nơi thể hiện tập trung đường lối xử lý phân hóa đối với người phạm tội, mặt khác mức độ phân hóa trong các quy định này lại được quyết định bởi mức độ phân hóa tội phạm nói trên. Vì vậy, phân hóa TNHS trong luật được bắt đầu từ phân hóa tội phạm và mọi sự điều chỉnh của phân hóa TNHS đều phải được tiến hành một cách đồng bộ trong các quy định về phân hóa tội phạm.

Có thể khẳng định rằng, phân hóa TNHS đối với người phạm tội càng triệt để bao nhiêu càng thuận lợi cho chủ thể áp dụng pháp luật để cá thể hóa TNHS bấy nhiêu. Do đó, để hoạt động áp dụng pháp luật hình sự bảo đảm tính khách quan, công bằng, chính xác đòi hỏi các quy phạm của pháp luật hình sự phải được xây dựng theo yêu cầu của nguyên tắc phân hóa TNHS. Ngược lại, nếu quy phạm của pháp luật không thể hiện rõ nguyên tắc phân hóa TNHS thì việc áp dụng chúng để cá thể hóa TNHS đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể sẽ gặp nhiều khó khăn.

Tiểu kết chương 1

Nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam có nội dung là TNHS được quy định và áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phù hợp với tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội. Thể hiện đường lối xử lý mang tính phân hóa TNHS giữa những ở người các nhóm tuổi khác nhau với mục đích động viên người dưới 18 tuổi phạm tội tích cực cải tạo, sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành người có ích cho xã hội. Hiến pháp và pháp luật đều coi trẻ em, người dưới 18 tuổi là đối tượng bảo vệ, quan tâm và chăm sóc đặc biệt, ngay cả khi họ là chủ thể của tội phạm thì việc bảo vệ các quyền lợi của họ bao giờ cũng được tôn trọng và đặt lên hàng đầu.

Khi tiến hành phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nhà làm luật đã sử dụng các căn cứ để phân hóa TNHS đó là: Tính nguy hiểm cho xã hội, độ tuổi, lỗi và nhân thân người phạm tội. Trong đó, tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm giữ vai trò chủ đạo quy định sự khác biệt về TNHS. Căn cứ về độ tuổi, lỗi và nhân thân người phạm tội là căn cứ bổ sung cho tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Trong một số trường hợp đặc biệt yếu tố về độ tuổi lại là căn cứ chủ đạo để phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy nhiên, tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm vẫn là căn cứ chủ yếu để nhà làm luật quyết định áp dụng

hình phạt hay các biện pháp tư pháp hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Đồng thời, đây cũng là căn cứ để phân chia các trường hợp phạm tội cụ thể thành các nhóm tuổi tương ứng với các khung hình phạt khác nhau.

Nội dung của nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được thể hiện trên các phương diện: 1) *Nhận thức pháp luật hình sự*; 2) *lập pháp luật hình sự*; 3) *áp dụng pháp luật hình sự*. Trong đó, tư tưởng về phân hóa TNHS giữ vai trò định hướng, chỉ đạo quá trình xây dựng và áp dụng luật hình sự. Trong hoạt động xây dựng pháp luật hình sự, nguyên tắc phân hóa tạo ra các quy định thể hiện đường lối xử lý mang tính phân hóa TNHS đối với người phạm. Đối với hoạt động áp dụng pháp luật hình sự, đó là quá trình áp dụng các quy định của luật hình sự nhằm cá thể hóa TNHS đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể. Các nội dung này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, phân hóa trong các quy định của luật hình sự là cơ sở để cá thể hóa TNHS trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

Nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được thể hiện xuyên suốt trong các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, từ phần chung đến phần các tội phạm cụ thể; từ phân loại tội phạm, hình phạt đến quy định trong cấu thành tội phạm cụ thể nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động cá thể hóa TNHS. Phân hóa TNHS trong luật cần phải đáp ứng đồng thời cả hai yêu cầu: *thứ nhất*, phải thể hiện được đường lối xử lý khác biệt ở mức tối đa với các trường hợp phạm tội khác nhau về tính nguy hiểm cho xã hội và nhân thân người phạm tội; *thứ hai*, phải tránh tình trạng quy định quá chi tiết đường lối xử lý đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể. Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam cho thấy, nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không ngừng được bổ sung, hoàn thiện, phát triển phù hợp với thực tiễn, yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện trong từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Phân hóa TNHS với nội dung xử lý người phạm tội phù hợp với tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội đảm bảo xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khi các quy định của luật hình sự được xây dựng trên tinh thần phân hóa, tất cả các quy định liên quan đến việc xác định TNHS của

người phạm tội được quy định cụ thể trong luật theo nguyên tắc TNHS tương xứng với tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và phù hợp với nhân thân người phạm tội. Mặt khác, khi đã có đầy đủ những quy định phù hợp cho phép xử lý mọi trường hợp phạm tội trong thực tiễn. Do đó, cơ quan áp dụng pháp luật không cần và cũng không thể sử dụng nguyên tắc tương tự để giải quyết vấn đề TNHS của người phạm tội không theo quy định của luật. Phân hóa TNHS đã tạo cơ sở để thực hiện tốt yêu cầu cá thể hóa TNHS.

Chương 2

SỰ THỂ HIỆN CỦA NGUYÊN TẮC PHÂN HÓA TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

2.1. Sự thể hiện của nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong các quy định của pháp luật hình sự

2.1.1. Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong quy định về phân loại tội phạm

Phân hóa TNHS trên cơ sở phân loại tội phạm là một yêu cầu tất yếu, khách quan của pháp luật hình sự trong việc cá thể hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Có thể nói rằng, quy định về phân loại tội phạm là quy định mang tính cơ sở của việc phân hóa TNHS và sự tồn tại của chúng là điều kiện bắt buộc để thực hiện nguyên tắc phân hóa TNHS trong luật. Nghiên cứu nội dung BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 cho thấy, nguyên tắc phân hóa TNHS trong quy định về phân loại tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện dựa trên các tiêu chí sau:

Tiêu chí thứ nhất: Dựa trên cơ sở tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện

BLHS của nước ta phân tội phạm thành bốn loại là: tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; tương ứng với bốn mức độ tính nguy hiểm cho xã hội của các loại tội phạm, tính chịu hình phạt cũng được quy định đối với chúng như sau: *tội phạm ít nghiêm trọng có mức cao nhất của khung hình phạt là đến 3 năm tù; tội phạm nghiêm trọng có mức cao nhất của khung hình phạt là đến 7 năm tù; tội phạm rất nghiêm trọng có mức cao nhất của khung hình phạt là đến 15 năm tù và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có mức cao nhất của khung hình phạt là trên 15 năm tù, chung thân hoặc tử hình.* Việc phân loại tội phạm thành bốn loại như trên là biểu hiện của sự phân hóa TNHS trong luật. Nhưng sự phân loại này chỉ có ý nghĩa là sự phân hóa TNHS khi kết quả của sự phân loại này được sử dụng làm cơ sở thống nhất cho việc xây dựng các điều luật khác có nội dung phân hóa TNHS.

Kết quả phân loại tội phạm này sẽ được sử dụng trong xây dựng các chế định khác (hình phạt, các biện pháp tư pháp hình sự, tha, miễn TNHS...) của luật hình sự với nội dung quy định đường lối xử lý một cách thống nhất tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện trong toàn bộ các chế định của luật hình sự. Đúng như GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa khẳng định: *“Biểu hiện đầu tiên của sự phân hóa TNHS trong luật là sự phân loại tội phạm theo mức độ của tính nguy hiểm cho xã hội. Sự phân loại này không chỉ là biểu hiện cơ bản của sự phân hóa TNHS trong luật mà còn là cơ sở pháp lý thống nhất cho sự phân hóa TNHS trong các chế định của phân chung cũng như ở các tội phạm cụ thể và ở các quy định của ngành luật có liên quan trực tiếp với luật hình sự là luật tố tụng hình sự”* [17, tr.49].

Không phải mọi trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội đều phải chịu TNHS như nhau, luật hình sự quy định những người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu TNHS về mọi tội phạm, còn những người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 12, BLHS năm 2015. Sở dĩ có sự khác biệt về TNHS của từng lứa tuổi như vậy là do nhà làm luật căn cứ vào khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi của người dưới 18 tuổi phạm tội để quy định TNHS đối với họ cho phù hợp. Việc quy định này không chỉ được thể hiện trong một vài điều luật hay một vài chế định mà chúng là một hệ thống tồn tại xuyên suốt trong các quy định của luật hình sự. Đây chính là việc phân loại tội phạm theo mức độ của tính nguy hiểm cho xã hội.

Tiêu chí thứ hai: Trên cơ sở lỗi do người dưới 18 tuổi phạm tội thực hiện

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý. Việc xác định đúng dấu hiệu của tội phạm hay hành vi có tính chất lỗi hình sự chính là thực hiện yêu cầu của nguyên tắc phân hóa TNHS, theo đó chỉ khi xác định được đầy đủ các dấu hiệu của một người bị coi là có lỗi hình sự - tức là xác định được tính chất lỗi hình sự của hành vi khách quan thì mới đặt ra vấn đề TNHS đối với người đó. Đồng thời, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng phân biệt hành vi có tính chất tội phạm với hành vi vi phạm pháp luật khác.

Bên cạnh đó, Điều 3, BLHS năm 2015, quy định đường lối xử lý theo hướng “*ngghiêm khắc với những người phạm tội cố ý, chủ mưu, cầm đầu; khoan hồng với những người phạm tội do vô ý, người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn, hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra....*”. Như vậy, tương ứng với các lỗi phạm khác nhau thì TNHS cũng khác nhau (*lỗi cố ý trong tội phạm rất nghiêm trọng bao giờ cũng nguy hiểm hơn lỗi cố ý trong tội phạm ít nghiêm trọng; lỗi vô ý trong tội phạm nghiêm trọng thì nguy hiểm hơn lỗi vô ý trong tội phạm ít nghiêm trọng...*). Điều này cho thấy, việc phân loại tội phạm theo tiêu chí lỗi đã đáp ứng được yêu cầu của nguyên tắc phân hóa TNHS.

Theo quy định của BLHS hiện hành, lỗi tồn tại dưới hai hình thức là lỗi cố ý và lỗi vô ý. Trên cơ sở đó, tội phạm được chia thành tội cố ý và tội vô ý. Hơn nữa, do tính chất nguy hiểm của hai hình thức lỗi này là khác nhau, nên đường lối xử lý đối với các tội phạm cố ý và tội phạm vô ý cũng khác nhau. Phân loại tội phạm theo tính chất lỗi không những có ý nghĩa quan trọng trong xử lý hình sự đối với người phạm tội, mà còn xác định một số chế định quan trọng khác của BLHS như: tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Đồng thời, tiến hành phân loại tội phạm theo tính chất lỗi tức là tuân thủ một cách triệt để nguyên tắc TNHS trên cơ sở lỗi.

Tiêu chí thứ ba: Dựa vào nhóm các quan hệ xã hội bị tội phạm do người dưới 18 tuổi xâm hại

Các nhà làm luật đã phân chia tội phạm thành các chương tương ứng với đó là các nhóm tội khác nhau, trong mỗi chương lại chia thành các điều luật khác nhau. Đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chịu sự tác động và điều chỉnh của các chương: các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân; các tội xâm phạm sở hữu; các tội xâm phạm chế độ hôn nhân; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường; các tội phạm về ma túy; các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng.

Việc phân tội phạm thành các nhóm, các điều luật cụ thể phù hợp với tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội gây ra là cơ sở, căn cứ để cá thể hóa TNHS đối

với người dưới 18 tuổi phạm tội đảm bảo khách quan, công bằng, chính xác, đúng người đúng tội, đúng pháp luật góp phần thực hiện nguyên tắc phân hóa TNHS.

Tiêu chí thứ tư: Phân loại tội phạm đối với người dưới 18 tuổi trong quy định về thời hiệu truy cứu TNHS.

Thời hiệu truy cứu TNHS là thời hạn do BLHS quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Khoản 2 Điều 27 quy định thời hiệu truy cứu TNHS, như sau: a) Năm năm đối với các tội phạm ít nghiêm trọng; b) Mười năm đối với các tội phạm nghiêm trọng; c) Mười lăm năm đối với các tội phạm rất nghiêm trọng; d) Hai mươi năm đối với các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày tội phạm được thực hiện. Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này người phạm tội lại phạm tội mới mà Bộ luật quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy trên một năm tù, thì thời gian đã qua không được tính và thời hiệu đối với tội cũ được tính lại kể từ ngày phạm tội mới. Nếu trong thời hạn nói trên, người phạm tội cố tình trốn tránh và đã có lệnh truy nã, thì thời gian trốn tránh không được tính và thời hiệu tính lại kể từ khi người đó ra tự thú hoặc bị bắt giữ.

Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết các vụ án có liên quan đến việc xác định thời hiệu truy cứu TNHS không phải bao giờ cũng đơn giản như quy định tại Điều 27 của BLHS Bộ luật hình sự, vì Điều 27 của BLHS mới quy định đối với một người phạm một tội, còn đối với các trường hợp khác như: một người phạm nhiều tội hoặc nhiều người phạm một tội, thì khi áp dụng Điều 27 của BLHS để xác định thời hiệu truy cứu TNHS lại phải căn cứ vào các quy định khác của BLHS cũng như khoa học luật hình sự mới có thể xác định đúng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, BLHS năm 2015 không có điều nào đề cập đến thời hiệu truy cứu TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Quy định về thời hiệu truy cứu TNHS tại Điều 27 được áp dụng chung cho cả người đã đủ 18 tuổi phạm tội và người dưới 18 tuổi phạm tội là không phù hợp. Bởi theo nguyên tắc xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Mục 4 chương XII của BLHS về hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, tất cả các

hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nhẹ hơn (ít nhất là bằng một phần hai) hình phạt áp dụng đối với người đủ 18 tuổi phạm cùng tội tương ứng. Vậy khi áp dụng các hình phạt này đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thì cách tính thời hiệu truy cứu TNHS đối với người dưới 18 tuổi được thực hiện như thế nào? Do đó, quy định về thời hiệu truy cứu TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện để thuận lợi cho các cơ quan áp dụng pháp luật thực hiện quy định này trong thời gian tới.

Việc BLHS quy định thời hiệu truy cứu TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng góp phần thể hiện nguyên tắc phân hóa TNHS.

2.1.2. Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong quy định về hình phạt

Hình phạt là nội dung quan trọng, là dạng thực hiện TNHS chủ yếu nhất. Tội phạm trên thực tế rất đa dạng về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, do đó yêu cầu trừng trị, cải tạo giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội cũng rất khác nhau. Vì vậy, hình phạt cần có nhiều loại để đáp ứng được yêu cầu cá thể hoá TNHS đối với từng hành vi phạm tội. Phân hóa TNHS qua việc quy định về hình phạt là một nhu cầu tất yếu và khách quan trong xây dựng luật hình sự. Hệ thống hình phạt trong BLHS phải phù hợp với tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và đặc điểm nhân thân người phạm tội. Đồng thời, hệ thống hình phạt đó phải được áp dụng trong thực tiễn để cá thể hoá TNHS đối với mọi trường hợp phạm tội có thể xảy ra.

Xuất phát từ mục đích giáo dục, cải tạo người dưới 18 tuổi phạm tội trở thành công dân có ích cho xã hội, các hình phạt phải đa dạng đến mức tương ứng với các trường hợp phạm tội có sự khác biệt đáng kể về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội hoặc những đặc điểm nhân thân người phạm tội thì sẽ có các hình phạt tương ứng để chủ thể áp dụng pháp luật lựa chọn nhằm cá thể hoá TNHS đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể.

Ví dụ: Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hoàng Thanh Tâm sinh năm 2000 và Hoàng Đình Vũ sinh năm 2002 phải nghỉ học vào Huế thuê trọ, kiếm việc làm để giúp đỡ gia đình. Tâm xin làm nhân viên giữ xe ở nhà hàng số 10 với mức lương 1.000.000 đ/tháng. Làm được 10 ngày, Tâm xin bà chủ cho ứng trước

500.000 đ để trang trải việc ăn ở nhưng bà chủ không đồng ý. Khoảng 11 giờ ngày 18/12/2017, chủ quán đưa khóa xe Honda rồi bảo Tâm dắt ra lề đường xếp cho gọn để đón khách. Tâm liền nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe nên đã dắt xe đi thẳng. Trên đường đi Tâm gọi điện cho Vũ - ở cùng phòng trọ, nói là “Tao vừa trộm chiếc xe gắn máy, mi thu xếp đồ đạc rồi ra nhà để kiểm tiền tiêu nghe”. Sau đó Tâm đi xe về phòng trọ đón Vũ rồi cả hai cùng đi xe máy về quê. Để có tiền đồ xăng, Tâm và Vũ đã giật túi xách của một học sinh để túi trước giỏ xe đạp đi trên quốc lộ 1A. Sau khi lục túi xách Tâm, Vũ lấy được một chiếc điện thoại di động và 500.000 đồng rồi tiếp tục đi xe về Quảng trị. Trên đường đi Tâm, Vũ bị công an kiểm tra hành chính phát hiện, bắt giữ. Tòa án xử phạt Tâm 4 năm tù còn Vũ 2 năm 6 tháng tù về các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Cướp giật tài sản”.

Trong vụ án trên Hoàng Đình Vũ mới được 15 tuổi nên nhận thức còn hạn chế, mặt khác bản thân Vũ lại bỏ học không được giáo dục đầy đủ nên đã bị Tâm lôi kéo tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Theo quy định của Bộ luật hình sự thì người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phạm tội chỉ bị xử lý hình sự khi thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong 28 điều. Đối chiếu các quy định của pháp luật với vụ án cụ thể trên nhận thấy việc Tòa án xử phạt Vũ với mức án 2 năm 6 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Cướp giật tài sản” là quá nặng và không phù hợp với quy định của Bộ luật hình sự hiện hành.

Khi quy định các hình phạt, nhà làm luật dựa trên cơ sở phân hóa tội phạm, với mỗi một tội phạm sẽ có một hoặc nhiều hình phạt tương ứng. Hình phạt bao gồm nhiều loại và có mức độ nghiêm khắc khác nhau; chúng có thể sắp xếp theo một trật tự nối tiếp nhau về mức độ nghiêm khắc, tương xứng với sự phân hóa tội phạm hoặc trong từng nhóm tội phạm. Để thực hiện yêu cầu này, nhà làm luật phải xuất phát từ tính chất của từng hình phạt cũng như các trường hợp phạm tội có thể xảy ra trên thực tiễn.

Đồng tình với quan điểm này, GS.TSKH. Lê Cẩm cho rằng một hệ thống hình phạt khả thi phải thỏa mãn những tiêu chí sau: *1) Hệ thống hình phạt trong Phần chung phải được xây dựng một cách khoa học, cân đối và hợp lý để làm cơ sở cho việc quy định một cách chính xác các chế tài cụ thể đối với các tội phạm tương ứng*

trong Phần riêng BLHS; 2) Việc quy định trình tự áp dụng của các loại hình phạt trong hệ thống hình phạt phải tương ứng phù hợp với sự phân chia các tội phạm thành các loại (nhóm) nhất định trong Phần chung BLHS; 3) Trong hệ thống hình phạt phải thể hiện rõ được tính chất và mức độ nghiêm khắc khác nhau của các loại hình phạt tương ứng với mức độ của tính nguy hiểm cho xã hội của các loại (nhóm) tội phạm được quy định trong BLHS; 4) Trong hệ thống hình phạt phải quy định một cách cụ thể, rõ ràng và chính xác trình tự, các căn cứ và những điều kiện áp dụng của từng loại hình phạt nói chung cũng như giới hạn tối thiểu và tối đa của các loại hình phạt có thời hạn nói riêng [10. tr.690].

Tư tưởng phân hóa TNHS đặt ra yêu cầu cao khi xây dựng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đó là: Hệ thống hình phạt phải đủ đa dạng đến mức cá thể hóa được tất cả các trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội. Ngược lại, nếu hệ thống hình phạt không đủ đa dạng thì sự cá thể hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội sẽ bị hạn chế, việc phân hóa TNHS sẽ rất khó khăn. BLHS năm 2015 quy định về hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, bao gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và hình phạt tù có thời hạn, cụ thể như sau:

* Hình phạt cảnh cáo là hình phạt nhẹ nhất được áp dụng đối với người phạm tội nói chung, người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng. Nội dung của hình phạt cảnh cáo là sự khiển trách công khai của Nhà nước đối với người phạm tội về hành vi phạm tội họ đã thực hiện. Hình phạt cảnh cáo không gây thiệt hại về vật chất hay tước bỏ một số quyền lợi của người bị kết án mà chỉ gây tổn hại về mặt tinh thần cho người bị kết án. Hình phạt cảnh cáo thường được Tòa án công bố công khai tại phòng xử án. Mục đích của việc áp dụng hình phạt này chủ yếu nhằm giáo dục người phạm tội và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên mức độ tác động của nó lại phụ thuộc vào thái độ, ý thức và đặc điểm tâm lý xã hội của người bị kết án.

Tuy nhiên, trên thực tế việc áp dụng hình phạt này lại không được Tòa án áp dụng nhiều như các loại hình phạt khác. Sở dĩ như vậy là do tính chất trừng trị của hình phạt này chưa rõ nét, hiệu quả giáo dục không cao nên Tòa án ít áp dụng loại hình phạt này. Người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ được áp dụng hình phạt cảnh cáo khi có các điều kiện cần và đủ sau: 1) *tội phạm do bị cáo thực hiện phải là tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội, có mức cao nhất của khung hình phạt là 3 năm tù; 2) có nhiều tình tiết giảm nhẹ*

được quy định tại Điều 51 BLHS. Có thể nói với việc quy định điều kiện áp dụng hình phạt cảnh cáo như trên, làm cho Tòa án cân nhắc khi quyết định hình phạt này đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

* Hình phạt tiền là hình phạt nhằm tước đi quyền lợi vật chất của họ để tước bỏ điều kiện họ tiếp tục phạm tội. Nội dung cưỡng chế của hình phạt tiền thể hiện thông qua việc tước đi một phần quyền lợi vật chất của người bị áp dụng hình phạt tiền để sung công quỹ nhà nước nhằm tác động giáo dục, cải tạo người phạm tội. Hình phạt này đặc biệt có hiệu quả trong công tác đấu tranh đối với các loại tội có tính chất vụ lợi, hay các tội dùng tiền làm phương tiện hoạt động, các tội xâm phạm trật tự công cộng... Ngoài việc bị tước bỏ lợi ích vật chất, người bị phạt tiền còn phải mang án tích trong một thời hạn nhất định.

Đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, hình phạt tiền chỉ áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng. Tuy nhiên không phải mọi trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội đều phải áp dụng hình phạt tiền, mà tùy theo từng trường hợp cụ thể để áp dụng hình phạt tiền hoặc các hình phạt khác cho phù hợp. Hình phạt tiền chỉ áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng, có như vậy mục đích của hình phạt tiền mới được thực hiện (tức là tước đi quyền lợi vật chất của họ) thông qua đó mới tác động đến ý thức của chính người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm cải tạo giáo dục họ trở thành người công dân tốt. Trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội không đủ điều kiện để áp dụng hình phạt tiền thì áp dụng hình phạt khác mà luật hình sự cho phép bởi hình phạt tiền là hình phạt tùy nghi lựa chọn, nó thường được quy định cùng các loại hình phạt khác trong một điều luật cụ thể như: phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù. Ví dụ, Điều 266 tội đua xe trái phép, quy định nếu vi phạm thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm, điều này có nghĩa nếu người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội nếu có thu nhập, tài sản riêng thì áp dụng hình phạt tiền, còn nếu không có tài sản hoặc thu nhập thì áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù. Điều luật quy định như vậy giúp cho chủ thể áp dụng pháp luật có quyền lựa chọn

hình phạt áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của người phạm tội.

* Hình phạt cải tạo không giam giữ có nội dung giáo dục sâu sắc. Nó không buộc người bị kết án phải cách ly khỏi xã hội; họ vẫn có thể thực hiện công việc thường ngày và sống trong môi trường gia đình, xã hội như trước đây. Nội dung của hình phạt này thể hiện qua việc Tòa án giao người bị kết án cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền trong việc giám sát, giáo dục người cải tạo không giam giữ. Người bị kết án phải sinh sống, công tác tại nơi mà Tòa án đã nêu trong bản án và không được tự ý rời khỏi nơi đó.

Đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng như sau: “Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng; người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng” (Khoản 1, Điều 100, BLHS năm 2015) và có nơi thường trú rõ ràng hoặc nơi làm việc ổn định. Tòa án chỉ quyết định phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi họ có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Ngoài điều kiện nêu trên, Tòa án chỉ có thể quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ với người phạm tội khi có những tình tiết cho phép nhận định người phạm tội có thể được giáo dục và cải tạo trở thành người tốt mà không cần cách ly khỏi xã hội.

Tuy nhiên, đối với người dưới 18 tuổi phạm tội bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thì không khấu trừ thu nhập của người đó khi tham gia lao động. Đây là một trong những chính sách của BLHS nhằm khuyến khích người dưới 18 tuổi phạm tội tích cực học tập, lao động, cải tạo thành người có ích cho xã hội. Bởi theo nguyên tắc *“không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội”*, khi Tòa án đã tuyên hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là hình phạt cải tạo không giam giữ thì đương nhiên đó là hình phạt chính nên không thể áp dụng hình phạt bổ sung đối với họ cho dù họ phạm bất kỳ tội gì nhất là đối với những người dưới 18 tuổi phạm tội có thu nhập ổn định và tài sản riêng.

So với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 đã có sự phân hóa trong việc áp dụng hình phạt đối với các nhóm tuổi khác nhau của người dưới 18 tuổi phạm tội tùy thuộc và tính chất, mức độ của tội phạm mà họ phạm phải là ít nghiêm trọng, nghiêm trọng hay rất nghiêm trọng, cụ thể BLHS năm 1999 quy định hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng với tất cả mọi người dưới 18 tuổi phạm tội mà không có sự phân biệt giữa các nhóm tuổi (từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi) trong cùng một tội phạm tương ứng. Còn BLHS năm 2015 đã có sự phân hóa hình phạt trong áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, hình phạt cải tạo không giam giữ áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý như: tội vi phạm quy định về giao thông đường bộ (Điều 260), tội gây rối trật tự công cộng (Điều 318), tội trộm cắp tài sản (Điều 173), tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 180); người từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ khi họ phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý như: tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144), tội cướp tài sản (Điều 168)...

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng thấp hơn so với người trưởng thành. Nó không được vượt qua một phần hai thời hạn mà điều luật quy định. Ví dụ như người dưới 18 tuổi phạm tội gây rối trật tự công cộng theo Điều 318 của BLHS thì mức cao nhất của cải tạo không giam giữ đối với họ là một năm. Điều 105 BLHS năm 2015 quy định người dưới 18 tuổi bị phạt cải tạo không giam giữ khi đã chấp hành được một phần tư thời hạn và có nhiều tiến bộ thì có thể được Tòa án giảm hình phạt.

* Hình phạt tù có thời hạn là việc buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời hạn nhất định có mức tối thiểu là ba tháng, mức tối đa là hai mươi năm đối với một tội. Trong thời gian chấp hành hình phạt tù có thời hạn, người bị phạt tù phải chấp hành hình phạt tại các trại giam của Nhà nước, tuân thủ các quy chế nghiêm ngặt của nhà tù, phải chịu sự giám sát chặt chẽ của cán bộ trại giam, phải học tập, lao động theo quy định của pháp luật. Không những vậy, người bị phạt tù còn bị tước một số quyền như: quyền bầu cử, quyền ứng cử, quyền tự do đi lại.... Có thể nói hình phạt tù có thời hạn có tính nghiêm khắc cao hơn hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ.

Đối với người dưới 18 tuổi, hình phạt tù có thời hạn chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết. BLHS quy định rõ hình phạt tù có thời hạn được áp dụng khi người dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng. Trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, cần thiết phải áp dụng hình phạt khi không có đủ điều kiện để áp dụng các hình phạt khác như cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ. Về mức tù giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại Điều 101 BLHS, như sau:

- Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

- Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

Điều 38 BLHS năm 2015 còn quy định mức tối thiểu của hình phạt tù có thời hạn là 03 tháng, mức tối đa là hai mươi năm. Trên cơ sở mức quy định chung này nhà làm luật căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do người dưới 18 tuổi gây ra trên thực tế để quyết định mức hình phạt tù có thời hạn phù hợp. Mặc dù luật hình sự đã quy định khi xử phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì mức hình phạt tù cao nhất được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định; còn người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì mức hình phạt tù cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định. Nhưng mức phạt tù quy định tại khung hình phạt của các điều luật cụ thể còn quá rộng nên còn xảy ra tình trạng Tòa án quyết định hình phạt quá nặng, hoặc quá nhẹ... dẫn đến hình phạt đã tuyên không tương xứng với mức độ, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội và làm cho hiệu quả giáo dục, cải tạo chưa đạt được kết quả mong muốn; tình trạng tái phạm ở người dưới 18 tuổi phạm tội chiếm tỉ lệ cao.

Nghiên cứu những quy định về hình hệ thống hình phạt trong BLHS hiện hành áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cho thấy: Về cơ bản, những quy định

này đã thể hiện rõ tinh thần phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, tạo cơ sở, điều kiện thuận lợi cho các chủ thể áp dụng pháp luật hình sự lựa chọn phù hợp các hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tùy theo lứa tuổi (nhóm tuổi) và tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Tuy nhiên, những quy định này vẫn chưa thể hiện rõ yêu cầu phân hóa TNHS trong một số trường hợp như: chưa có quy định riêng cho phép quyết định hình phạt nhẹ hơn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của bộ luật.

Đặc biệt, các hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi còn nhiều bất cập như: Hình phạt tiền ít được áp dụng chủ yếu là do người dưới 18 tuổi phạm tội vẫn sống phụ thuộc vào bố mẹ, chưa có thu nhập, tài sản riêng để thi hành án; Hình phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội pháp luật quy định điều kiện được xem xét để áp dụng không rõ ràng, chặt chẽ; Hình phạt tù có thời hạn thì việc quy định khoảng cách mức tối thiểu, tối đa trong một số khung hình phạt quá rộng, mới chỉ giới hạn mức hình phạt tù tối đa mà không giới hạn hình phạt tù tối thiểu dẫn đến việc áp dụng các hình phạt trên trong một số trường hợp còn tùy tiện. Để thực hiện triệt để yêu cầu phân hóa TNHS, những quy định này cần phải được bổ sung, sửa đổi.

2.1.3. Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong quy định về miễn trách nhiệm hình sự, hình phạt

a) Phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong quy định về miễn trách nhiệm hình sự

Miễn TNHS là một trong những chế định quan trọng của luật hình sự, thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội về hành vi do họ thực hiện, đồng thời qua đó nhằm động viên, khuyến khích người phạm tội lập công chuộc tội; chứng tỏ khả năng giáo dục, cải tạo nhanh chóng hòa nhập với cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội. Miễn TNHS là việc một người phạm tội đã đáp ứng những điều kiện nhất định thì không phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi do hành vi phạm tội của mình gây ra. BLHS năm 2015 chưa có một khái niệm cụ thể, chính thức về miễn TNHS, tuy nhiên tại một số điều của Bộ luật đã quy định cơ sở, căn cứ miễn TNHS.

Khoản 1 Điều 29 BLHS quy định người phạm tội được miễn TNHS (*trường hợp đương nhiên được miễn TNHS*) khi có một trong hai căn cứ sau:

Thứ nhất, khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa. Đây là trường hợp miễn TNHS có tính chất bắt buộc đối với hai dạng cụ thể, đó là khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử do có sự chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa. Ví dụ Tội trộm cắp tài sản (Điều 138, BLHS năm 1999) quy định “*số tiền trộm cắp tài sản là từ 500.000đ đến dưới 50.000.000đ...*”, thì bị “*phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”, nay theo Điều 173 BLHS năm 2015 quy định về tội trộm cắp tài sản thì “*số tiền trộm cắp tài sản là từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ...*”, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Như vậy mọi hành vi trộm cắp tài sản từ sau ngày 01/07/2016 mà giá trị tiền trộm cắp tài sản dưới 2.000.000đ mà không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 thì sẽ không bị truy cứu TNHS về tội trộm cắp tài sản. *Thứ hai, khi có quyết định đặc xá hoặc đại xá.* Như vậy, khi gặp một trong hai trường hợp này, cơ quan tố tụng bắt buộc phải miễn TNHS cho người phạm tội.

Khoản 2 Điều 29 BLHS quy định người phạm tội có thể được miễn TNHS (không bắt buộc) khi có một trong ba căn cứ: 1) *khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa;* 2) *khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa.* 3) *người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận.*

Khoản 3 Điều 29 BLHS quy định người phạm tội có thể được miễn TNHS khi “*Người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề*

ngộ miễn TNHS, thì có thể được miễn TNHS". Đây là điểm mới của BLHS năm 2015 áp dụng đối với người phạm tội; để miễn TNHS cho người phạm tội phải thỏa mãn các điều kiện sau:

Một là, người thực hiện tội phạm là tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng do vô ý (Đối với tội phạm ít nghiêm trọng, người phạm tội có thể được miễn TNHS cho tất cả các loại lỗi bao gồm cả cố ý và lỗi vô ý. Đối với tội phạm nghiêm trọng, người phạm tội có thể được miễn TNHS khi thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý do quá tự tin, vô ý do cầu thả).

Hai là, các tội mà người phạm tội thực hiện là những tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác. Điều này có nghĩa ngoài các tội kể trên thì các tội phạm xâm hại khách thể khác không được áp dụng nguyên tắc này;

Ba là, người phạm tội đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và được người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn TNHS.

Ngoài ra, người phạm tội còn có thể được miễn TNHS quy định tại các điều sau:

1) Khoản 2 Điều 16 tội tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội quy định "*người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được miễn TNHS về tội định phạm*".

2) Khoản 4 Điều 110 về tội gián điệp "*người đã nhận làm gián điệp, nhưng không thực hiện nhiệm vụ được giao và tự thú, thành khẩn khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì được miễn TNHS*".

3) Khoản 1 Điều 27 về thời hiệu truy cứu TNHS quy định "*Thời hiệu truy cứu TNHS là thời hạn do BLHS quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu TNHS*".

4) Khoản 2 Điều 155; điểm b khoản 1 Điều 230; khoản 1 Điều 248 và Điều 282 của Bộ luật TTHS năm 2015 quy định những vụ án hình sự tại khoản 1 các Điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của BLHS năm 2015, đã được khởi tố theo yêu cầu của bị hại hoặc của người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết; nếu người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu khởi tố trước ngày mở phiên tòa sơ

thẩm, thì vụ án phải được đình chỉ, trong trường hợp này, thực chất Nhà nước cũng không truy cứu TNHS với người đã phạm tội;

5) Khoản 2 Điều 390 tội không tố giác tội phạm “người không tố giác nếu đã có hành động can ngăn người phạm tội hoặc hạn chế tác hại của tội phạm, thì có thể được miễn TNHS hoặc miễn hình phạt”.

Người dưới 18 tuổi phạm tội có thể được miễn TNHS trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng, phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng trừ các tội quy định tại các Điều 123 (tội giết người), Điều 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác), Điều 141 (tội hiếp dâm), Điều 142 (tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi), Điều 144 (Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi), Điều 150 (tội mua bán người), Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi), Điều 168 (tội cướp tài sản), Điều 171 (tội cướp giật tài sản), Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy), Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy), Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy).

Thứ hai, người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng trừ các tội quy định tại các Điều 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác), Điều 141 (tội hiếp dâm), Điều 171 (tội cướp giật tài sản), Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy).

Thứ ba, người dưới 18 tuổi là người đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể trong vụ án (điểm c khoản 2 Điều 91).

Những quy định về miễn TNHS đối với người dưới 18 tuổi, đã thể hiện yêu cầu phân hóa TNHS tùy thuộc vào tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, nhân thân (nhóm tuổi) của người phạm tội. Theo khoản 2 Điều 91 điều kiện để người dưới 18 tuổi phạm tội có thể được miễn TNHS là: 1) người dưới 18 tuổi phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ (tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 của BLHS); 2) tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Như vậy điều kiện thứ 2 trong quy định về miễn TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm

tội trùng với điểm b, khoản 1, Điều 51. Cho nên điều kiện này cần tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi để tránh trùng lặp với các quy định trước đó của BLHS.

b) Phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong quy định về miễn chấp hành hình phạt

Miễn chấp hành hình phạt là không buộc người bị kết án phải chấp hành toàn bộ hoặc phần còn lại (chưa chấp hành) của mức hình phạt đã tuyên. Miễn chấp hành hình phạt là chế định nhân đạo trong Luật hình sự Việt Nam. Thực hiện những quy định này nhằm hạn chế việc áp dụng chế tài của Luật hình sự nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu giáo dục, cải tạo người phạm tội trở thành công dân có ích cho xã hội.

Miễn hình phạt được Tòa án áp dụng trong giai đoạn xét xử, người phạm tội có thể được miễn hình phạt trong trường hợp phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS đáng được khoan hồng đặc biệt, nhưng chưa đến mức được miễn TNHS (Điều 59 BLHS).

Miễn chấp hành hình phạt được áp dụng trong giai đoạn thi hành án hình sự khi có các căn cứ theo quy định của pháp luật, đó là:

Thứ nhất, người phạm tội được miễn chấp hành hình phạt khi được đặc xá hoặc đại xá. BLHS hiện hành không có điều luật giải thích, quy định về “đặc xá” hoặc “đại xá”. Tuy nhiên, luật có quy định trường hợp “đặc xá” hoặc “đại xá” thì người phạm tội được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại của bản án.

Thứ hai, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành hình phạt đối với người bị kết án cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn đến 03 năm chưa chấp hành hình phạt, nếu thuộc một trong các trường hợp: 1) *Sau khi bị kết án đã lập công*; 2) *Mắc bệnh hiểm nghèo*; 3) *Chấp hành tốt pháp luật, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và xét thấy người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa*.

Thứ ba, người bị kết án phạt tù đến 03 năm, đã được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt, nếu trong thời gian được tạm đình chỉ mà đã lập công hoặc chấp hành tốt pháp luật, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và xét thấy người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

Thứ tư, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành toàn bộ hình phạt đối với người bị kết án phạt tù có thời hạn trên 03 năm, chưa chấp hành hình phạt nếu đã lập công lớn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo và người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

Thứ năm, người bị kết án phạt tiền đã tích cực chấp hành được một phần hình phạt nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra mà không thể tiếp tục chấp hành được phần hình phạt còn lại hoặc lập công lớn, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần tiền phạt còn lại.

Thứ sáu, người bị phạt cấm cư trú hoặc quản chế, nếu đã chấp hành được một phần hai thời hạn hình phạt và cải tạo tốt, thì theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện nơi người đó chấp hành hình phạt, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

Thứ bảy, người được miễn chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều này vẫn phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ dân sự do Tòa án tuyên trong bản án.

Ngoài ra người dưới 18 tuổi phạm tội còn có thể được miễn hình phạt khi thỏa mãn các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 91 và được áp dụng ngay các biện pháp xử lý chuyên hướng (biện pháp giám sát, giáo dục quy định ở mục 2 chương XII), gồm:

Thứ nhất, Khiển trách được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của BLHS; người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án, nhằm giúp họ nhận thức rõ hành vi phạm tội và hậu quả gây ra đối với cộng đồng, xã hội. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 không đặt vấn đề áp dụng biện pháp tư pháp hình sự đối với họ.

Thứ hai, Hòa giải tại cộng đồng được áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 của BLHS. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của của BLHS.

Thứ ba, Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của của BLHS; người từ đủ

14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 của BLHS. Như vậy các biện pháp tư pháp hình sự áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng thể hiện rõ nét tinh thần nhân đạo của Bộ luật, tư tưởng phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Tóm lại các quy định về miễn TNHS, hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đã thể hiện rõ tư tưởng, nội dung của nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và được thể hiện xuyên suốt trong các quy định của BLHS.

c) Phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong quy định về biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

Giáo dục tại trường giáo dưỡng là biện pháp tư pháp hình sự áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nhằm buộc phải cách ly họ khỏi gia đình hoặc môi trường sống hiện tại để vào một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ.

Biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là biện pháp cưỡng chế về hình sự của Nhà nước ít nghiêm khắc hơn hình phạt tù, được quy định tại Điều 96 của BLHS áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với họ, tuy nhiên do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người đó mà cần đưa người đó vào một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ mà ở đó họ phải chấp hành đầy đủ nội quy, kỷ luật, học tập, rèn luyện dưới sự giám sát chặt chẽ của tổ chức chuyên trách là trường giáo dưỡng trong một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ có điều kiện sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình và cho xã hội.

Về thời gian ở trường giáo dưỡng, theo khoản 1, Điều 96 của BLHS quy định “Từ một đến hai năm”. Việc quyết định thời hạn cụ thể bao nhiêu do Tòa án ấn định tùy từng trường hợp cụ thể.

2.2. Sự thể hiện của nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong các quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt

2.2.1. Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự trong quy định về căn cứ quyết định hình phạt

Căn cứ quyết định hình phạt là những chuẩn mực luật định buộc Tòa án phải dựa vào khi lựa chọn hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Nó giữ vai trò quyết định trong việc chuyển tải đường lối xử lý về hình sự trong luật vào thực tiễn để phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, là một yêu cầu mang tính khách quan. Để đạt được mục đích phân hóa TNHS qua quyết định hình phạt đòi hỏi chủ thể áp dụng pháp luật khi quyết định loại, mức hình phạt phải phản ánh đúng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội. Có nghĩa là các căn cứ của quyết định hình phạt phải được xây dựng theo yêu cầu của nguyên tắc phân hóa TNHS.

Ví dụ: Do có mâu thuẫn từ trước nên khi thấy anh Minh cùng với bố mẹ và em ruột là Quân đang cắt tía cây cảnh thì bà Nguyễn Thị Hạnh - ở nhà liền kề chửi bới, ném đá làm hai bên cãi nhau; anh Quân đi báo công an phường. Lúc này Thái (16 tuổi) con trai bà Hạnh cầm một ống tuýp inox dài 70cm, phi 3cm từ trong nhà mình chạy sang. Thấy anh Hoàng đang cầm dao trên tay, Thái dùng ống tuýp inox đập vào tay anh Minh làm dao rơi xuống đất, rồi đập tiếp một nhát vào đầu anh Minh. Cùng lúc đó Hải là anh rể Thái đến giằng ống tuýp kéo Thái về nhà.

Sau khi đi báo công an về, biết việc Thái đánh anh Minh nên Quân cầm búa cùng với bố, anh Minh đi sang nhà bà Hạnh. Quân túm tóc bà Hạnh nói bà dám đánh bố mẹ tôi hả. Ngay lúc đó Thái cầm ống tuýp nước, Hải cầm dao nhọn Thái Lan từ trong nhà chạy ra. Thái dùng ống tuýp đập vào tay cầm búa của Quân làm búa rơi xuống đất và đập tiếp một nhát vào đầu anh Quân, sau đó quay sang đập vào tay ông bố, còn Hải dùng dao đâm vào tay anh Minh. Do sợ bị đánh mấy bố con nhà Minh chạy ra ngoài thì Thái, Hải đuổi theo, Thái dùng ống tuýp đập một nhát vào lưng Minh làm Minh bị ngã, Hải giằng ống tuýp trên tay Thái đuổi theo đập với một nhát vào đầu Minh.

Minh bị thương tích với tỷ lệ thương tật là 28%; Quân bị thương tật là 17%; bố Minh bị thương tích là 8%.

Tòa án đã áp dụng khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự xử phạt Thái 7 năm tù, Hải 5 năm tù về tội “Giết người”. Trong vụ án này việc Tòa án xác định các bị cáo phạm tội "Giết người" là không đúng. Do định tội danh không chính xác dẫn đến mức hình phạt mà tòa án tuyên áp dụng đối với các bị cáo là quá nặng. Bởi về mặt chủ quan không có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo mong muốn tước đoạt tính mạng của các nạn nhân. Tuy các bị cáo dùng hung khí nguy hiểm, đánh vào vùng trọng yếu trên cơ thể người bị hại nhưng mức độ tấn công không quyết liệt, lực tác động không mạnh, hậu quả thực tế những người bị hại chỉ bị chấn thương phần mềm ở đầu, tỷ lệ thương tật không cao lắm. Do đó dù các bị cáo tấn công những người bị hại và chấp nhận hậu quả xảy ra thì hành vi của các bị cáo cũng chỉ cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” chứ không phải giết người.

Điều 50 BLHS năm 2015 quy định: *“Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật này, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS; Khi quyết định áp dụng hình phạt tiền, ngoài căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành của người phạm tội”*. Căn cứ quyết định hình phạt đã thể hiện yêu cầu phân hóa TNHS (hình phạt) theo tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, nhân thân người phạm tội. Ví dụ, khi áp dụng hình phạt tiền đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, phải căn cứ vào thu nhập và tài sản riêng của người dưới 18 tuổi phạm tội. Như đã phân tích ở trên, hình phạt tiền chỉ áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng và có thu nhập hoặc tài sản riêng, còn những trường hợp khác tùy theo tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm do họ gây ra để áp dụng các hình phạt khác cho phù hợp. Đây là các căn cứ bắt buộc Tòa án phải sử dụng khi giải quyết vấn đề về TNHS của người dưới 18 tuổi phạm tội; đồng thời, các quy định trên đã thể hiện tối đa yêu cầu của nguyên tắc phân hóa TNHS. Ngoài ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS cũng là căn cứ để Tòa án áp dụng hình phạt phù hợp với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Tại sao các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định đúng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội. Bởi tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được thể hiện qua nhiều yếu tố khác nhau như tính chất, mức độ hậu quả đã gây ra hoặc đe dọa gây ra, mức độ lỗi, tính chất của phạm tội, động cơ phạm tội... vì vậy để xác định đúng tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội là không hề đơn giản. Mặt khác, nhân thân người phạm tội là tổng hợp những đặc điểm riêng của người phạm tội có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn TNHS của họ như tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình... Do đó, việc quy định các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS là một trong những căn cứ để cá thể hóa TNHS. Thực tiễn quyết định hình phạt cho thấy các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS giữ vai trò quan trọng trong việc xác định đúng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội. Cho nên, việc cụ thể hóa các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS tại khoản 1 Điều 51 và Điều 52 của BLHS chính là biểu hiện rõ nét của nguyên tắc phân hóa TNHS.

2.2.2. Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự trong quy định về quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng

Trên cơ sở kế thừa quy định của BLHS năm 1999 về quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật, Điều 54 BLHS năm 2015 cho phép Tòa án có quyền quyết định loại và mức hình phạt thấp hơn mức tối thiểu được quy định trong khung hình phạt hoặc có thể bỏ qua khung hình phạt liền kề để áp dụng khung hình phạt khác có mức phạt thấp hơn đối với người phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể. Mặt khác, khi xây dựng khung hình phạt cho các tội phạm nhà làm luật bao giờ cũng dựa trên tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội để quy định khung hình phạt phù hợp, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa tội phạm với mức tối thiểu của các khung hình phạt thường quy định không quá thấp. Do đó, có thể xuất hiện tình huống ngay cả việc áp dụng mức tối thiểu của khung hình phạt vẫn là quá nghiêm khắc, trong trường hợp này, luật hình sự năm 2015 cho phép Tòa án quyết định bỏ qua khung hình phạt liền kề để áp dụng khung hình phạt nhẹ hơn khi thỏa mãn các điều kiện luật định.

Điều 54 BLHS hiện hành quy định vấn đề này như sau:

- Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật

khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật này.

- Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với người phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể.

- Trong trường hợp có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này nhưng điều luật chỉ có một khung hình phạt hoặc khung hình phạt đó là khung hình phạt nhẹ nhất, thì Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Lý do của việc giảm nhẹ phải được ghi rõ trong bản án”.

Điều kiện để có thể quyết định hình phạt nhẹ hơn theo quy định của Điều 54 BLHS đó là:

1) Phải có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS.

2) Người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể.

Đó là những tình tiết có giá trị giảm nhẹ trong mọi trường hợp. Quy định này thể hiện rõ sự phân hóa giữa những trường hợp phạm tội có thể sử dụng hình phạt trong khung hình phạt được quy định để áp dụng với những trường hợp phạm tội mà mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm giảm đi đến mức cần sử dụng hình phạt nhẹ hơn. Mặt khác, điều luật cũng quy định việc áp dụng hình phạt nhẹ hơn không bắt buộc phải là hình phạt liền kề trong khung của điều luật mà có thể chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn khung cùng điều luật và ghi rõ lý do của việc giảm nhẹ hình phạt trong bản án.”

Việc cho phép Tòa án quyết định loại và mức hình phạt thấp hơn so với mức tối thiểu mà khung hình phạt quy định hoặc quyết định chuyển sang một khung hình phạt khác nhẹ hơn khung hình phạt liền kề khung hình phạt tối thiểu của điều luật đã thể hiện rõ đường lối phân hóa TNHS đối với tội phạm. Để đáp ứng yêu cầu đó, quy định về quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định trong BLHS phải được nghiên cứu, quy định điều kiện áp dụng chặt chẽ và phải chỉ rõ giới hạn của việc giảm nhẹ hình phạt một cách phù hợp.

2.2.3. Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự trong các quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt

Trong các tội phạm do cố ý, không phải mọi trường hợp người phạm tội đều có thể thực hiện được hết các hành vi phạm tội hoặc gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, quá trình thực hiện tội phạm cần được phân hóa thành các giai đoạn khác nhau trên cơ sở sự chênh lệch về tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm để từ đó quy định TNHS đối với người phạm tội ở mỗi giai đoạn một cách hợp lý theo nguyên tắc: TNHS trong những trường hợp tội phạm hoàn thành nặng hơn TNHS trong những trường hợp tội phạm chưa hoàn thành; TNHS trong giai đoạn phạm tội chưa đạt nặng hơn TNHS trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội.

Theo quy định tại Điều 14 của BLHS năm 2015, chuẩn bị phạm tội được hiểu là người phạm tội đã có những hành vi *“tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm”*, người chuẩn bị phạm tội phải chịu TNHS tội phạm tương ứng và hình phạt áp dụng đối với họ tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng. Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, hình phạt được quy định trong khung hình phạt của các điều luật cụ thể. Ví dụ: Tội cướp tài sản (Điều 168) quy định người nào chuẩn bị phạm tội này thì bị phạt tù từ 01 đến 05 năm; tội giết người (Điều 123) quy định người nào chuẩn bị phạm tội thì bị phạt tù từ 01 đến 05 năm, tội phá rối an ninh (Điều 118) quy định người nào chuẩn bị phạm tội này thì bị phạt tù 06 tháng đến 03 năm. Như vậy theo quy định của BLHS thì TNHS ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội nhẹ hơn TNHS ở giai đoạn phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành.

Điều 15 BLHS năm 2015 quy định phạm tội chưa đạt là trường hợp người phạm tội *“cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội”*, người phạm tội chưa đạt phải chịu TNHS về tội phạm chưa đạt và hình phạt áp dụng đối với họ tùy thuộc vào điều luật, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định. Việc quy định mức hình phạt tối đa có thể áp dụng đối với người phạm tội chưa đạt là biểu hiện rõ của việc phân hóa TNHS giữa những người phạm tội đã hoàn thành với

những người phạm tội chưa hoàn thành. Ví dụ, tội giết người (khoản 1 Điều 123 của BLHS năm 2015) quy định “người nào giết người thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình...”. Phạm tội chưa đạt trong trường hợp này là người phạm tội giết người đã thực hiện hết hành vi phạm tội mô tả trong điều luật nhưng chưa đạt được mục đích đến cùng là cướp đi sinh mạng của người khác khi phạm tội, người phạm tội mong muốn làm nạn nhân chết nhưng nạn nhân chỉ bị thương. Do đó, TNHS hay hình phạt trong trường hợp này áp dụng đối với người phạm tội giết người chưa đạt nằm trong khung hình phạt từ 9 năm đến 15 năm tù hoặc cao nhất không quá 20 năm.

TNHS trong giai đoạn phạm tội chưa đạt nặng hơn TNHS trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội và nhẹ hơn TNHS trong giai đoạn tội phạm hoàn thành. Ví dụ, Điều 123 “tội giết người”, nếu tội phạm dừng lại ở giai đoạn chuẩn bị thì người phạm tội sẽ bị phạt tù 01 năm đến 05 năm tù, nếu ở giai đoạn phạm tội chưa đạt sẽ bị phạt tù 9 năm đến 15 năm tù hoặc cao nhất không quá 20 năm, nếu tội phạm hoàn thành thì sẽ bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Đối với người dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, BLHS năm 2015 đã thể hiện rõ nét nguyên tắc phân hóa TNHS ở từng nhóm tuổi. Trong đó TNHS của những người có độ tuổi lớn hơn phải nặng hơn TNHS so với những người có độ tuổi nhỏ hơn, điều này được thể hiện rõ tại Điều 14 của BLHS quy định về chuẩn bị phạm tội. Theo đó, “người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phải chịu TNHS về một trong các điều là 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 229, 300, 301, 302, 303 và 324; còn người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về một trong hai tội đó là: Điều 123 (tội giết người), Điều 168 (tội cướp tài sản). Việc phân chia người dưới 18 tuổi phạm tội thành từng nhóm đã thể hiện đường lối phân hóa TNHS với mục đích giáo dục, giúp họ sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Khoản 2, Điều 102 BLHS năm 2015 quy định về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội, như sau: “Mức phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần ba mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng”; “Mức phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội

không quá một phần hai mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng”.

Khoản 3, Điều 102 BLHS năm 2015 quy định về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt, như sau: “Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần ba mức hình phạt quy định tại Điều 100 (cải tạo không giam giữ) và Điều 101 (tù có thời hạn) của Bộ luật này”; “Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần hai mức hình phạt quy định tại Điều 99 (phạt tiền), Điều 100 (cải tạo không giam giữ) và Điều 101 (phạt tù).

Phân tích các biểu hiện của nguyên tắc phân hóa TNHS trong quyết định hình phạt đối với trường hợp tội phạm chưa đạt, chưa hoàn thành cho thấy: Việc phân định các giai đoạn phạm tội trong luật là cơ sở để phân hóa TNHS (hình phạt) tương xứng với tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội gây ra hoặc đe dọa gây ra. Bộ luật cũng đã thể hiện sự phân hóa TNHS của người phạm tội đối với từng giai đoạn cụ thể theo nguyên tắc: hình phạt ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội là nhẹ nhất, rồi đến hình phạt ở giai đoạn phạm tội chưa đạt và cuối cùng là tội phạm hoàn thành.

2.2.4. Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự trong các quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm

Đồng phạm là trường hợp nhiều người tham gia thực hiện một phạm tội. Chính sự khác biệt về số lượng người tham gia thực hiện tội phạm cũng như đặc điểm về mặt chủ quan của đồng phạm đòi hỏi phải có chính sách phân hóa TNHS đối với của từng thành viên trong đồng phạm phù hợp với tính chất, vai trò, mức độ tham gia tội phạm. Để thực hiện yêu cầu này, các nhà làm luật cần đánh giá hành vi của tất cả những người tham gia thực hiện tội phạm và phân hóa họ theo tính chất của sự tác động đối với tội phạm, từ đó xác định TNHS cho phù hợp với vai trò của từng người trong đồng phạm theo nguyên tắc người có vai trò càng cao trong đồng phạm thì TNHS nặng hơn so với người có vai trò càng thấp.

Điều 17 BLHS năm 2015 phân đồng phạm thành bốn loại: gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục và người giúp sức. Trong đó người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm; người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm; người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy

người khác thực hiện tội phạm; người giúp sức là người tạo điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm.

Ví dụ: Khoảng 20 giờ ngày 16/10/2017. Tuấn gặp Huỳnh Tuấn Đại sinh năm 2000 rủ chốc nữa đi trộm cắp cốt pha tại công trường xây dựng thuộc thôn H. Đại đồng ý, đến 23 giờ cùng ngày Tuấn, Đại đi đến thôn H thì gặp Nguyễn Đình Thắng và Nguyễn Đình Thường sinh năm 2001 cùng một nhóm thanh niên, Tuấn rủ Thắng, Thường đi trộm cắp cốt pha. Cả hai đồng ý, Tuấn bảo Thắng và Thường đến gần quan sát nơi đoạn đường mới làm, thấy không có ai trông giữ nên cùng nhau đến chỗ để cốt pha để lấy trộm. Cùng lúc đó thì Đại ra thấy Tuấn, Thắng, Thường đang khiêng cốt pha, Đại cùng tham gia lấy cốt pha mang đến để ở cổng sau nhà Đỗ Thị Việt, cả 4 người lấy được 10 tấm cốt pha (4 cốt pha bằng nhựa, 6 tấm bằng sắt). Sau đó Thường gọi Việt để bán số cốt pha này. Việt biết số cốt pha trên do bọn Tuấn vừa lấy tại công trình xây dựng cạnh nhà nên sợ không dám mua. Thường và Đại hỏi cho gửi tại vườn nhà Việt. Lúc đầu Việt không đồng ý sau đó Việt hỏi “chúng mày dấu kiểu gì”. Đại bảo đào hố chôn, Việt đồng ý và cho mượn quốc xẻng để Đại, Thường cùng đồng bọn đào hố để chôn số cốt pha tại vườn nhà mình. Khi đang đào dấu thì bảo vệ công trình phát hiện cốt pha bị mất đi soi đèn pin thấy vậy cả bọn bỏ chạy. Tang vật thu giữ gồm 10 tấm cốt pha. Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá kết luận 10 tấm cốt pha do Tuấn và đồng bọn trộm cắp trị giá 5.850.000 đồng. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại công ty toàn bộ 10 tấm cốt pha trên. Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 52; Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Đình Thường 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án về tội Trộm cắp tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 52; Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt Huỳnh Tấn Đại Cảnh cáo về tội trộm cắp tài sản.

Trong vụ án trên Đại và Thường đều là người chưa thành niên, cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò ngang nhau, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhau nhưng khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử lại áp dụng pháp luật không thống nhất nên Đại chỉ bị phạt cảnh cáo còn Nguyễn Đình Thường bị xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Có thể thấy rõ

nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự của pháp luật trong vụ án này không được đảm bảo thống nhất áp dụng.

Điều 58 BLHS quy định *“khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hoặc loại trừ TNHS thuộc người đồng phạm nào, thì chỉ áp dụng đối với người đó”*. Như vậy, để phân hóa TNHS đối với những người trong đồng phạm, các nhà làm luật dựa trên tính chất của hành vi và mức độ tham gia của họ để chia đồng phạm thành người chủ mưu, người xúi giục, người dung túng và người giúp sức, đồng thời quy định đường lối xử lý khác nhau đối với từng trường hợp cụ thể trong đồng phạm theo nguyên tắc người giữ vị trí, vai trò càng quan trọng trong đồng phạm thì TNHS càng nặng hơn những người có vai trò không đáng kể trong đồng phạm.

Khoản 2, Điều 91 của BLHS năm 2015 quy định người dưới 18 tuổi có thể được miễn TNHS nếu là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án. Đây là chế định mới áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong tổ chức. Việc BLHS quy định như vậy có lợi cho người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy nhiên trong BLHS không có điều luật nào quy định người dưới 18 tuổi là đồng phạm được áp dụng chế định này khi phạm các tội, nhóm tội cụ thể nào? Mặt khác điều luật quy định người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS khi là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án, nhưng để xác định được thế nào là đáng kể thế nào là không đáng kể thì trong luật lại không có quy định cụ thể.

Cho nên trong thực tiễn xét xử, áp dụng pháp luật hoàn toàn có khả năng xảy ra tình trạng Tòa án áp dụng chế định miễn TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong các vụ án đồng phạm là không giống nhau. Vì vậy, quy định này cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện, bổ sung để áp dụng thống nhất trên thực tế. Mặt khác, trong vụ án đồng phạm, người giúp sức thường có vai trò ít nguy hiểm hơn so với những người đồng phạm khác nhưng BLHS năm 2015 chưa có điều luật nào quy định cụ thể yêu cầu phân hóa này.

Kết luận chương 2

Như vậy, phân hóa trách nhiệm hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là tư tưởng chủ đạo mang tính định hướng đối với toàn bộ quá trình xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự nhằm cá thể hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đảm bảo công bằng, khách quan và mang tính giáo dục cao hay nói cách khác phân hóa TNHS là một nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam.

Cơ sở của sự phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật hình sự Việt Nam là tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi và nhân thân của người phạm tội. Trong hoạt động lập pháp hình sự các nhà làm luật đã phân loại tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện thành từng nhóm, lứa tuổi khác nhau để từ đó áp dụng với chúng liều lượng TNHS phù hợp với tính chất, mức độ của tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi và nhân thân người phạm tội. Chính sự phân loại này tạo ra sự khác biệt trong đường lối xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Đường lối xử lý hình sự mang tính phân hóa là nội dung cơ bản xuyên suốt các quy định của BLHS năm 2015, thể hiện qua các nội dung như: Quy định về hình phạt và quyết định hình phạt; nhà làm luật đã quy định một hệ thống hình phạt đa dạng gồm nhiều loại, mỗi loại hình phạt lại có thể phân chia làm nhiều bậc khác nhau để áp dụng được với các trường hợp phạm tội rất đa dạng về tính nguy hiểm cho xã hội trên thực tế, đồng thời quy định điều kiện áp dụng, cách thức áp dụng đối với từng hình phạt.

BLHS năm 2015 đã chia quá trình thực hiện tội phạm thành các giai đoạn: chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành, tương ứng với nó quy định đường lối xử lý khác biệt đối với từng giai đoạn phạm tội; quy định về đồng phạm và đường lối xử lý mang tính phân hóa đối với những người đồng phạm khác nhau về vai trò, về mức độ và về địa vị xã hội; quy định đường lối xử lý theo hướng giảm nhẹ TNHS đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội; phân chia các trường hợp phạm tội, với những đặc điểm đặc trưng khác nhau và mức độ nguy hiểm khác nhau thành các tội phạm độc lập, trong mỗi cấu thành tội phạm lại có sự phân hóa các trường hợp phạm tội tăng nặng và các trường hợp phạm tội giảm nhẹ, tương ứng với mỗi trường hợp là hình phạt cho người phạm tội; quy định các biện pháp miễn TNHS, hình phạt.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC PHÂN HÓA TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI

3.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự

BLHS năm 2015 đã dành hẳn một chương quy định về người dưới 18 tuổi phạm tội để tòa án áp dụng xử lý, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội nhận thức, sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên những quy định trên đã bộc lộ một số hạn chế cần hoàn thiện:

Một là, việc quy định chế tài hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội còn chưa phù hợp. Cụ thể, đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi mặc dù có 3/4 trong tổng số 4 loại hình phạt luật quy định là chế tài không tước tự do của người phạm tội như: hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ nhưng thực tế áp dụng các chế tài này còn nhiều hạn chế, hiệu quả giáo dục, phục hồi thấp. Chẳng hạn như hình phạt cảnh cáo thể hiện xử khiến trách công khai của nhà nước đối với người phạm tội. Tuy nhiên khi hội đồng xét xử tuyên án xong cũng có nghĩa hình phạt được thi hành xong. Vì không có cơ chế theo dõi, hỗ trợ người dưới 18 tuổi phạm tội thực sự nhận thức được lỗi lầm do mình gây ra nên không phải lúc nào hình phạt cảnh cáo cũng phát huy hiệu quả. Đây có thể là một trong những nguyên nhân làm người dưới 18 tuổi phạm tội tái phạm.

Hai là, đối với hình phạt tiền: Hình phạt tiền áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội còn có nhiều điểm hạn chế, chưa hợp lý. Nội dung của hình phạt tiền là buộc người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu thiệt hại về lợi ích vật chất thể nhưng phần lớn người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội đều không có tài sản riêng hoặc không có thu nhập. Do vậy, việc áp dụng hình phạt tiền đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là chưa hợp lý nên thực tiễn xét xử cũng rất ít áp dụng hình phạt này. Điều 99 BLHS quy định: *Phạt tiền áp dụng là hình phạt chính đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nếu người đó có thu nhập hoặc tài sản riêng*, nhưng trên thực tế hình phạt này ít khi được áp dụng vì không có đủ hai điều kiện: *1) người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thu nhập; 2) có tài sản riêng*. Vì vậy, cần nghiên cứu quy định này cho phù hợp với thực tiễn công tác đấu

tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện. Nếu để hình phạt này thì không nên quy định điều kiện như Điều 99 BLHS, mà nên quy “*định khi áp dụng hình phạt tiền đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội cần có sự đồng ý, giúp đỡ của gia đình người dưới 18 tuổi phạm tội*”.

Mặt khác, việc quy định mức phạt tiền tối thiểu hoặc tối đa đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chưa rõ ràng, cụ thể. Tại Điều 35 BLHS quy định mức phạt tiền tối thiểu là một triệu đồng. Việc quy định mức phạt tiền tối thiểu này là mức phạt tiền tối thiểu chung được áp dụng cho cả người đã thành niên và người dưới 18 tuổi phạm tội là chưa phù hợp. Về quy định mức phạt tiền tối đa đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng không rõ ràng, tại Điều 99 BLHS quy định là không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật quy định. Với quy định như trên mức phạt tiền tối đa với người dưới 18 tuổi phạm tội sẽ phải gánh chịu rất khó xác định cụ thể vì tùy thuộc vào tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm mà từng điều luật quy định mức tiền phạt khác nhau.

Trước những bất cập nêu trên, kiến nghị sửa đổi bổ sung quy định về hình phạt tiền, trong đó quy định rõ mức phạt tiền cụ thể áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Việc quy định cụ thể, rõ ràng mức phạt tiền áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội sẽ có tác dụng rất lớn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Mặt khác, với mức phạt tiền phù hợp sẽ thúc đẩy người dưới 18 tuổi sử dụng nguồn thu nhập hoặc số tài sản riêng của mình để chấp hành hình phạt một cách nghiêm chỉnh. Bên cạnh đó, việc quy định rõ ràng, cụ thể mức phạt tiền sẽ tạo cơ sở pháp lý để chủ thể áp dụng hình phạt tiền đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Ba là, đối với hình phạt cải tạo không giam giữ: Nội dung của hình phạt cải tạo không giam giữ thể hiện qua việc Tòa án giao người bị kết án cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục. Người bị kết án phải sinh sống, công tác tại nơi mà Tòa án đã nêu trong bản án và không được tự ý rời khỏi nơi đó...mặt khác việc phối hợp giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội giữa gia đình người bị kết án với chính quyền địa phương còn yếu, lơ là nên chưa phát huy được tác dụng của hình phạt. Do đó, việc áp dụng hình phạt này vẫn chưa được triển khai rộng. Hơn nữa, tính nghiêm khắc của hình phạt

này không cao nên hiệu quả giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội thấp. Mặt khác việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ cần có “*nơi thường trú rõ ràng hoặc đang học tập ở các cơ sở giáo dục, đào tạo hay dạy nghề*” cho phù hợp với thực tiễn vì nếu buộc họ “*có nơi làm việc ổn định*” là khó vì ở độ tuổi này phần lớn phụ thuộc vào gia đình, chưa có việc làm, số có việc làm ổn định không nhiều.

Bốn là, đối với hình phạt tù có thời hạn: So với các loại hình phạt trên thì hình phạt tù có thời hạn có tính nghiêm khắc cao hơn. Mặc dù BLHS cũng đã quy định việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ thực hiện trong trường hợp thật cần thiết. Mặt khác, quy định khoảng cách giữ mức tối thiểu và mức tối đa của khung hình phạt tù đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chưa phù hợp. BLHS hiện nay không quy định mức phạt tù tối thiểu đối với người dưới 18 tuổi mà quy định mức tối thiểu chung của khung hình phạt tù áp dụng chung cho cả người đã thành niên và người dưới 18 tuổi phạm tội nên khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa của khung hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định trong luật hình sự còn bất cập. Vì vậy để đảm bảo nguyên tắc phân hóa được thực hiện, kiến nghị BLHS cần quy định cụ thể mức tối thiểu và mức tối đa của khung hình phạt tù áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Từ đó, để các cơ quan áp dụng pháp luật hình sự thực hiện thống nhất, chính xác, hiệu quả khi xử phạt người dưới 18 tuổi phạm tội.

Năm là, thời hiệu truy cứu TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định trong BLHS năm 2015 không rõ ràng, chưa có sự phân hóa giữa những người đã đủ 18 tuổi phạm tội với những người dưới 18 tuổi phạm tội, nên gây khó khăn cho các cơ quan áp dụng pháp luật trong việc áp dụng thời hiệu để truy cứu TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Do đó, quy định về thời hiệu truy cứu TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cần sớm được nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện nhằm để việc thực hiện và áp dụng pháp luật hình sự được thống nhất.

Trước những tồn tại trong các quy định của pháp luật hình sự về phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tôi xin kiến nghị một số nội dung sau:

Thứ nhất, bổ sung điều luật mới về hình phạt cảnh cáo. BLHS hiện hành chưa có điều luật quy định trường hợp, điều kiện áp dụng hình phạt cảnh cáo áp dụng đối

với người dưới 18 tuổi phạm tội. Cho nên trên thực tế xét xử rất nhiều trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, đáng ra được áp dụng hình phạt cảnh cáo nhưng trên thực tế Tòa vẫn tuyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Thứ hai, đối với hình phạt tiền: Bộ luật hình sự hiện hành quy định mức phạt tiền đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật quy định. Điều luật không quy định cụ thể mức tối thiểu và mức tối đa là bao nhiêu, nên dẫn đến tình trạng áp dụng hình phạt tiền đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không thống nhất. Để khắc phục tình trạng này cần quy định cụ thể mức tối thiểu và mức tối đa, như sau “*mức phạt tiền đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nằm trong giới hạn 1/3 mức tiền phạt tối thiểu và không quá 1/3 mức phạt tiền tối đa mà điều luật quy định*”.

Thứ ba, đối với hình phạt cải tạo không giam giữ: Bộ luật hình sự hiện hành quy định thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định. Điều luật không quy định cụ thể mức tối thiểu và mức tối đa là bao nhiêu, nên dẫn đến việc xác định thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không thống nhất. Để khắc phục tình trạng này cần quy định cụ thể mức tối thiểu và mức tối đa, như sau “*thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nằm trong giới hạn 1/3 thời hạn tối thiểu và không quá 1/3 mức thời hạn tối đa mà điều luật quy định*”.

Thứ tư, đối với hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cần quy định theo hướng giảm nhẹ và nhân đạo hơn cho phù hợp với đường lối, chính sách hình sự của Nhà nước và pháp luật quốc tế cụ thể, như sau:

- Bộ luật hình sự hiện hành quy định đối với người tù đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng “*không quá 18 năm tù*” nay nên quy định là “*không quá 16 năm tù*”. Nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất áp dụng là không quá 3/4 mức phạt tù mà điều luật quy định; điều luật không quy định cụ thể mức tối thiểu và mức tối đa là bao nhiêu, nên dẫn đến việc xác định thời hạn tù đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không thống nhất. Để khắc phục tình trạng này cần quy định cụ thể mức tối thiểu và mức tối đa, như sau “*thời hạn tù*

được áp dụng nằm trong giới hạn 1/2 mức tối thiểu và không quá 1/2 mức tối đa mà điều luật quy định”.

- Bộ luật hình sự hiện hành quy định đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng “*không quá 12 năm tù*” nay nên quy định là “*không quá 10 năm tù*”. Nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định; điều luật không quy định cụ thể mức tối thiểu và mức tối đa là bao nhiêu, nên dẫn đến việc xác định thời hạn tù đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không thống nhất. Để khắc phục tình trạng này cần quy định cụ thể mức tối thiểu và mức tối đa, như sau “*thời hạn tù được áp dụng nằm trong giới hạn 1/3 mức tối thiểu và không quá 1/3 mức tối đa mà điều luật quy định”.*

Thứ năm, cần nghiên cứu quy định tại khoản 2 Điều 91 về trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc tội rất nghiêm trọng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả (không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của BLHS) thì *đương nhiên được miễn TNHS* và áp dụng các biện pháp xử lý chuyên hướng (BLHS hiện hành quy định là *có thể được miễn TNHS*)

Thứ sáu, về *biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng*. Theo pháp luật hiện hành, giáo dục tại trường giáo dưỡng là biện pháp tư pháp hình sự nhưng cũng là biện pháp xử lý hành chính. Do đó, Nhà nước cần có các lớp riêng, phân biệt các em bị áp dụng biện pháp tư pháp hình sự với biện pháp xử lý hành chính. Đồng thời, phải có cơ chế kiểm tra trách nhiệm giáo dục của cơ sở giáo dưỡng chuyên trách và phải thực hiện thường xuyên. Tuy nhiên, hiện nay là trong các trường giáo dưỡng, chương trình giáo dục người dưới 18 tuổi chưa được chú trọng đúng mức nên hiệu quả không cao, dẫn tới Tòa án ngại áp dụng biện pháp này. Vì vậy, cần tăng cường đầu tư đặc biệt cho chương trình giáo dục dạy và học nghề cho các em để các em nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng sau khi ra trường.

Thứ bảy, bổ sung quy định về thời hiệu truy cứu TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo hướng không quá một phần hai thời hiệu truy cứu TNHS áp dụng đối với tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng và rất nghiêm trọng; không quá ba phần tư

đối với tội đặc biệt nghiêm trọng. Quy định như vậy là phù hợp và tương xứng với quy định về hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; thuận lợi cho các cơ quan áp dụng pháp luật trong việc sử dụng chế định thời hiệu truy cứu TNHS phân hóa người dưới 18 tuổi phạm tội.

3.2. Nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự

Áp dụng pháp luật hình sự là một trong những hình thức thực hiện pháp luật hình sự, do các cá nhân hoặc các cơ quan tổ chức có thẩm quyền thực hiện nhằm xác định đúng tính chất, mức độ của hành vi vi phạm pháp luật hình sự do người dưới 18 tuổi thực hiện, được thực hiện theo trình tự, thủ tục đặc biệt do pháp luật hình sự (pháp luật tố tụng hình sự) quy định, nhằm bảo đảm cho bản án được tuyên đối với người phạm tội là chính xác, khách quan, công bằng và mang tính giáo dục cao. Đánh giá về hoạt động áp dụng pháp luật hình sự, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã nêu: “Việc thực hiện các thủ tục tố tụng ngày càng tốt hơn, hạn chế được tình trạng truy tố, xét xử oan, sai hay bỏ lọt tội phạm. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử được nâng lên. Tuy nhiên công tác cải cách tư pháp còn chậm, chưa đồng bộ, công tác điều tra, truy tố, xét xử trong một số trường hợp còn chưa chính xác, án tồn đọng, bị hủy, bị cải sửa còn nhiều”. Điều đó đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng, áp dụng pháp luật cần không ngừng nâng cao chất lượng công tác áp dụng pháp luật hình sự để hạn chế oan sai.

Hoạt động áp dụng pháp luật luôn chịu sự chi phối, ảnh hưởng của nhiều nhân tố, bao gồm cả chủ quan và khách quan, do đó có thể gây ra nhầm lẫn, sai sót trong quá trình thực hiện. Mọi nhầm lẫn sai sót trong việc đưa ra các phán quyết, các quyết định áp dụng pháp luật từ phía các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đều có thể gây phương hại, thậm chí nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của người phạm tội nói chung, người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng. Sự cẩn trọng chính xác dựa trên những căn cứ pháp luật hiện hành trong việc đưa ra các phán quyết có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hoạt động áp dụng pháp luật. Chính vì vậy, việc nâng cao hiệu quả của hoạt động áp dụng pháp luật là yêu cầu mang tính khách quan, cấp thiết hiện nay nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của pháp luật, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Áp dụng pháp luật là một hình thức quan trọng, có tính đặc thù bởi nó chứa đựng những yếu tố bảo đảm cho những quy phạm pháp luật được thực hiện trong đời sống thực tế. Vì thế áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật quan trọng và có quan hệ mật thiết với các hình thức còn lại. Nếu chỉ thông qua các hình thức như tuân thủ thi hành và sử dụng pháp luật mà không có áp dụng pháp luật thì nhiều quy phạm pháp luật không được thực hiện hoặc thực hiện không chính xác, không đầy đủ và nghiêm minh. Để đảm bảo cho quan hệ pháp luật đi vào đời sống góp phần nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật thì phải nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật. Việc các cơ quan nhà nước tổ chức cho các chủ thể thực hiện các quy định của pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp luật của họ đòi hỏi các cơ quan phải tuyệt đối tuân thủ pháp luật, tức là tự kiểm chế không phạm vào các điều cấm trong khi áp dụng pháp luật. Thi hành các nghĩa vụ pháp luật và vận dụng đúng đắn, chính xác các quy phạm pháp luật trong quá trình áp dụng pháp luật.

Nhà nước xây dựng và ban hành pháp luật nhằm tác động vào và điều chỉnh các quan hệ xã hội. Sự tác động đó chỉ thực sự có hiệu quả cao khi tất cả các nguyên tắc, quy định của pháp luật được thực hiện một cách đầy đủ chính xác và triệt để. Tuy nhiên, nếu nhà nước chỉ trông chờ vào các hình thức tuân theo pháp luật, thi hành pháp luật và sử dụng pháp luật thì sẽ có rất nhiều quy phạm pháp luật không được thực hiện. Nguyên nhân có thể là do các chủ thể không muốn thực hiện hoặc không đủ khả năng thực hiện nếu thiếu sự tham gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đặc biệt, khi các hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm xảy ra, xâm phạm đến lợi ích của nhà nước, của các nhóm xã hội và của công dân, đòi hỏi có các chế tài, biện pháp xử lý thích đáng từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Như vậy áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính tổ chức, thể hiện quyền lực nhà nước, được thực hiện thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách hoặc các tổ chức xã hội khi được nhà nước trao quyền, nhằm cá biệt hóa các quy phạm pháp luật vào các trường hợp cụ thể đối với các cá nhân tổ chức cụ thể.

Để đảm bảo cho hoạt động áp dụng pháp luật luôn chính xác, khách quan, công bằng thì việc nâng cao ý thức pháp luật nghề nghiệp của những người có thẩm quyền áp dụng pháp luật là giải pháp không thể thiếu. Tuy nhiên, để đạt tới

ý thức pháp luật nghề nghiệp ở trình độ cao, đòi hỏi mỗi cán bộ, công chức nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật phải không ngừng nỗ lực phấn đấu. Một mặt, ý thức pháp luật nghề nghiệp biểu hiện trình độ hiểu biết cao về pháp luật nên các cán bộ nhà nước tham gia hoạt động áp dụng pháp luật cần được đào tạo bài bản, được trang bị tri thức, hiểu biết pháp luật; mỗi người phải thường xuyên tự tìm hiểu, cập nhật thông tin về các chính sách, văn bản pháp luật mới. Mặt khác, ý thức pháp luật nghề nghiệp phản ánh trình độ nghiệp vụ, kỹ năng sử dụng và áp dụng pháp luật vào việc giải quyết các công việc của thực tiễn đời sống xã hội, do đó, mỗi cán bộ, công chức thuộc cơ quan hành chính, tư pháp cần thường xuyên trau dồi năng lực chuyên môn, nâng cao kiến thức nghiệp vụ, tự học hỏi, tìm ra những biện pháp tốt nhất để áp dụng pháp luật một cách có hiệu quả.

Để bảo đảm chất lượng của hoạt động áp dụng pháp luật hình sự, trước hết phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác áp dụng pháp luật. Bởi suy cho cùng con người là chủ thể trực tiếp của áp dụng pháp luật. Chủ thể có mạnh thì hoạt động áp dụng pháp luật mới đem lại hiệu quả. Vì vậy cần phải tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ áp dụng pháp luật hình sự có chuyên môn hóa cao, là những chuyên gia giỏi cả về lý luận và thực tiễn (có thể chuyên môn hóa theo nhóm tội danh của BLHS). Do đó, quá trình tuyển chọn này phải được sàng lọc và chứng minh từ thực tiễn công tác, được sự đánh giá cao của đồng nghiệp, cấp trên và kể cả cơ quan tố tụng khác. Bên cạnh đó, kịp thời phát hiện những cán bộ có năng khiếu, năng lực sở trường để giúp đỡ, bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu. Tổ chức phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm, tìm ra nguyên nhân dẫn đến chất lượng, hiệu quả áp dụng pháp luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong một số trường hợp còn sai sót.

3.3. Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ áp dụng pháp luật

Thứ nhất: Nâng cao năng lực trách nhiệm của đội ngũ cán bộ điều tra các cấp

Đây là lực lượng có vai trò quan trọng quyết định đến việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Hoạt động điều tra là giai đoạn tố tụng hình sự đầu tiên, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với toàn bộ quá trình tố tụng hình sự, trong một số trường hợp có ý nghĩa quyết định sự thành bại của toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Cơ quan điều tra, cán bộ điều tra là chủ thể trực tiếp tổ chức, áp dụng các biện pháp

nghiệp vụ trong hoạt động điều tra. Kết quả, của hoạt động điều tra là cơ sở pháp lý quan trọng, là nền tảng quyết định đến việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.

Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, đặc biệt là mục tiêu, yêu cầu tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2012 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, cùng với việc thực hiện các quy định của pháp luật như Bộ luật TTHS năm 2015, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2015. Cơ quan điều tra và cán bộ điều tra các cấp ngày càng được kiện toàn về mặt tổ chức, biên chế, lực lượng tinh gọn đảm bảo chất lượng, hiệu quả đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Người dưới 18 tuổi phạm tội là đối tượng đặc biệt của luật hình sự. Do vậy, Điều 415 của Bộ luật TTHS quy định, người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người dưới 18 tuổi phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi. và phải làm rõ những vấn đề liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội như: Tuổi, mức độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi; Điều kiện sinh sống và giáo dục; Có hay không có người đủ 18 tuổi trở lên xúi giục; Nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội để từ đó có các biện pháp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi phạm tội, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Để nâng năng lực cho đội ngũ điều tra đòi hỏi cơ quan điều tra các cấp không ngừng bồi dưỡng kiến thức, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, năng lực, trình độ và kinh nghiệm công tác, kỹ năng, phương pháp nghiệp vụ đặc biệt cần trang bị thêm những kiến thức chuyên ngành về tâm lý người dưới 18 tuổi, trên cơ sở đó đưa ra phương pháp điều tra, đấu tranh với tội phạm do người dưới 18 tuổi đạt hiệu quả thiết thực, góp phần đấu tranh, ngăn chặn tình trạng người dưới 18 tuổi phạm tội xảy ra trên thực tiễn.

Thứ hai: Nâng cao vai trò của kiểm sát viên

Cùng với hoạt động điều tra, hoạt động kiểm sát cũng có vai trò quan trọng trong việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Bản chất của quá trình này là kiểm sát

hoạt động tư pháp tức là cơ quan kiểm sát (Viện Kiểm sát), kiểm sát viên tiến hành giám sát, kiểm tra cơ quan điều tra, cán bộ điều tra tuân thủ các quy định của pháp luật TTHS trong thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ cũng như thực hiện một số hoạt động điều tra khác theo pháp luật (khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra...) nhằm đảm bảo tính hợp pháp cho các chứng cứ mà cơ quan điều tra, cán bộ điều tra thu thập được trong quá trình điều tra phục vụ cho hoạt động tố tụng, tranh tụng tại phiên Tòa cũng như là căn cứ, cơ sở để Tòa án áp dụng hình phạt đối với người phạm tội.

Thứ ba: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Tòa án - đội ngũ làm công tác xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội có phẩm chất đạo đức, liêm khiết, trung thực, có kiến thức nghiệp vụ chuyên môn vững chắc.

Bởi trên thực tế, phần lớn những người tiến hành tố tụng đối với các vụ án hình sự do người dưới 18 tuổi thực hiện là những người chưa được đào tạo cơ bản, chuyên sâu về điều tra, truy tố, xét xử người dưới 18 tuổi mà chủ yếu dựa trên kinh nghiệm và đường lối tố tụng hình sự áp dụng đối với người dưới 18 tuổi. Cho đến thời điểm hiện nay ở nước ta chưa có đội ngũ tiến hành tố tụng hình sự riêng đối với người dưới 18 tuổi. Thực tế cho thấy khi điều tra, xét xử một vụ án trong đó bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi thì cần chú ý đến tinh thần, tâm lí của người dưới 18 tuổi, hoàn cảnh xã hội của bị cáo chưa thành niên hơn là các sự kiện khách quan của tội phạm nhưng những người tiến hành tố tụng nói chung, thẩm phán nói riêng lại dựa trên kinh nghiệm và đường lối TTHS áp dụng đối với người dưới 18 tuổi để xét xử dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật tố tụng, thậm chí còn có sai sót nghiêm trọng hơn trong việc định tội danh, áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không phù hợp. Vì vậy, ngành Tòa án phải thường xuyên tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thẩm phán chuyên trách xét xử các vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng chống người dưới 18 tuổi phạm tội đang ngày một gia tăng ở nước ta hiện nay.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội, đòi hỏi ngành Tòa án phải đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ thẩm phán có kiến thức,

hiểu biết về tâm lý người dưới 18 tuổi trên cơ sở đó đưa ra được phán quyết đúng đắn khi áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Việc Thẩm phán thay mặt tòa án nhân danh nhà nước tuyên phạt bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội với loại hình phạt cụ thể và mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra sẽ góp phần không nhỏ vào công tác giáo dục, giúp đỡ bị cáo là người dưới 18 tuổi nhận thức sửa chữa sai lầm, tái hòa nhập cộng đồng.

2.3.4. Các giải pháp khác

Ngoài những nội dung về hoàn thiện pháp luật; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác áp dụng pháp luật nêu trên thiết nghĩ đứng trước tình hình tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện đang một gia tăng hiện nay nhà nước cần phải có các chủ trương, biện pháp cụ thể để huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của mọi cấp, mọi ngành và mọi người dân cùng tham gia vào công tác đấu tranh, ngăn chặn, phòng ngừa tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện. Với nội dung trên đề xuất, kiến nghị các cấp, các ngành cũng như các cơ quan hữu quan tiến hành triển khai một số công việc cụ thể như sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật, đặc biệt trang bị cho các em ở độ tuổi chưa thành niên những kiến thức về kỹ năng sống, kiến thức pháp luật để trang bị cho các em các kiến thức pháp luật làm hạn chế tình trạng người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật, góp phần làm giảm bớt số lượng người dưới 18 tuổi bị áp dụng hình phạt như hiện nay. Trên thực tế đã xảy ra không ít các vụ phạm tội do người dưới 18 tuổi thực hiện một cách thiếu hiểu biết dẫn đến việc phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi là hình phạt mà Tòa án tuyên phạt đối với hành vi phạm tội mà người dưới 18 tuổi đã gây nên. Đứng trước thực trạng trên cần phải đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức, phương thức khác nhau.

Hiện nay công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật đối với người dưới 18 tuổi ở nước ta còn yếu kém, chưa phổ biến. Chương trình đào tạo pháp luật chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong chương trình đào tạo tại nhà trường, mặt khác các vụ án xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội chưa được phổ biến, hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội vẫn còn nhẹ nên tính giáo dục không cao.

Mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội không những có tác dụng giáo dục pháp luật chung cho người dưới 18 tuổi mà còn có tác dụng răn đe người dưới 18 tuổi phạm tội, thông qua đó giảm bớt tình trạng người dưới 18 tuổi bị xử phạt nhiều như hiện nay.

Thứ hai, xác định nguyên nhân, điều kiện và hoàn cảnh của người dưới 18 tuổi phạm tội để từ đó loại trừ những nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tội phạm. Có những trường hợp các em thực hiện hành vi phạm tội trong trường hợp để tự vệ hoặc trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra.... Đối với những vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện trong điều kiện hoàn cảnh phạm tội nêu trên thì Tòa án cần xem xét, quyết định việc áp dụng hình phạt với người dưới 18 tuổi phạm tội cho phù hợp để thực hiện giáo dục, cải tạo người dưới 18 tuổi sớm trở thành người công dân tốt.

Thứ ba kiện toàn tổ chức biên chế và phát huy vai trò, hiệu quả của Tòa án gia đình và người chưa thành niên phạm tội. Quán triệt tinh thần Nghị quyết số 08/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, hiện nay Tòa án gia đình và người chưa thành niên đã được thành lập ở Tòa án cấp cao, cấp tỉnh và một số ở cấp huyện.

Tòa án gia đình và người chưa thành niên có nhiệm vụ xét xử: “Các vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi hoặc các vụ án hình sự mà bị cáo là người đã đủ 18 tuổi trở lên nhưng người bị hại là người dưới 18 tuổi bị tổn thương nghiêm trọng về tâm lý hoặc cần sự hỗ trợ về điều kiện sống, học tập do không có môi trường gia đình lành mạnh như những người dưới 18 tuổi khác; xem xét quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính người dưới 18 tuổi theo quy định của BL TTHS”.

Việc xét xử các vụ án hình sự hoặc áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, Tòa gia đình và người chưa thành niên chỉ xét xử các vụ án mà bị cáo, bị can, người bị hại là người dưới 18 tuổi. Khi tiến hành các hoạt động tố tụng liên quan đến người dưới 18 tuổi (lấy lời

khai, xét hỏi, xem xét vật chứng, v.v.), Tòa án phải áp dụng các quy định riêng đối với người dưới 18 tuổi.

Để phát huy vai trò, hiệu quả của Tòa án gia đình và người chưa thành niên, Tòa án nhân dân tối cao cần tiến hành bồi dưỡng nghiệp vụ cho các Thẩm phán, Hội thẩm, Thẩm tra viên và Thư ký Tòa án những kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục, tâm lý học cũng như hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm là người dưới 18 tuổi, đồng thời bồi dưỡng kỹ năng tiến hành tố tụng trong các vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi. Công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cần tiến hành theo lộ trình phù hợp với quá trình kiện toàn về tổ chức bộ máy. Bên cạnh đó cần củng cố cơ sở vật chất cho phù hợp với đối tượng tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi.

Thứ tư, phát huy vai trò của các cơ quan, tổ chức, cá nhân (*luật sư, người bào chữa, chuyên gia tâm lý...*) trong quá trình tham gia giải quyết vụ án hình sự do người dưới 18 tuổi thực hiện. Nghị quyết số 08/NQ-TW của Bộ Chính trị yêu cầu Kiểm sát viên tại phiên tòa phải “*bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác...*”; yêu cầu Tòa án “*việc phán quyết phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục cao*”, đồng thời nhấn mạnh “*...các cơ quan tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện để luật sư tham gia vào quá trình tố tụng: tham gia hỏi cung bị can, nghiên cứu hồ sơ vụ án, tranh luận dân chủ tại phiên tòa...*”, nhằm giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS do hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi thực hiện.

KẾT LUẬN

Nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là nguyên tắc cơ bản, quan trọng của luật hình sự Việt Nam thể hiện tính nhân đạo, nhân văn của Đảng, Nhà nước đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Việc nghiên cứu đề tài này không chỉ có ý nghĩa về lý luận mà còn có ý nghĩa đối với việc xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự. Trên cơ sở đi nghiên cứu, đi sâu phân tích một cách có hệ thống các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong BLHS năm 2015 và rút ra một số kết luận sau:

1. Phân hóa TNHS là một nguyên tắc quan trọng của luật hình sự Việt Nam, thể hiện chính sách hình sự của Đảng và nhà nước ta là xử lý có phân biệt đối với từng trường hợp phạm tội. Nguyên tắc này quy định đường lối xử lý hình sự mang tính phân hóa giữa những người dưới 18 tuổi phạm tội. Đồng thời, nó là cơ sở, căn cứ để cá thể hóa TNHS, một yêu cầu quan trọng của việc quyết định hình phạt. Việc nghiên cứu sự thể hiện của nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật là rất cần thiết nhằm phục vụ công tác áp dụng pháp luật hình sự trên thực tiễn, để đảm án đã tuyên đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và bản chất nhân đạo, dân chủ của nhà nước ta đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

2. Cơ sở của sự phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật dựa trên tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhóm tuổi, yếu tố lỗi và phù hợp với đặc điểm nhân người phạm tội, để từ đó áp dụng với người dưới 18 tuổi phạm tội một liều lượng TNHS tương xứng. Trong các căn cứ trên, tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm giữ vai trò chủ đạo quy định sự khác biệt về TNHS còn các căn cứ khác giữ vai trò hỗ trợ. Các căn cứ này nếu được áp dụng một cách phù hợp sẽ tạo ra đường lối xử lý tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện, mang tính phân hóa cao, là cơ sở cho hoạt động cá thể hóa TNHS, góp phần quan trọng vào hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm ở người dưới 18 tuổi.

Trong hoạt động lập pháp hình sự, đặc biệt là trong những quy định về tội phạm và hình phạt càng thể hiện rõ tư tưởng, nội dung nguyên tắc phân hóa TNHS

đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo nguyên tắc tính chất và mức độ của hành vi nguy hiểm đến đâu thì áp dụng TNHS tương xứng. Khi tiến hành phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội qua các quy định về hình phạt và quyết định hình phạt, nhà làm luật đã xây dựng một hệ thống các hình phạt đủ đa dạng với các mức hình phạt khác nhau để cho hoạt động áp dụng pháp luật trên thực tiễn không bị chông chéo, sót người, sót tội.

Với phương châm cải tạo, giáo dục, giúp đỡ người dưới 18 tuổi phạm tội sửa chữa sai lầm, khuyết điểm phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội. Các căn cứ này nếu được áp dụng một cách phù hợp sẽ tạo ra đường lối xử lý tội phạm có tính phân hóa cao, là cơ sở pháp lý tối ưu cho hoạt động các thể hóa TNHS. Có thể khẳng định rằng BLHS năm 2015 đã thể hiện tương đối thành công nguyên tắc phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Đường lối xử lý tội phạm mang tính phân hóa chính là cơ sở pháp lý cần thiết cho việc xử lý tội phạm trong thực tiễn, góp phần quan trọng vào hoạt động đấu tranh, phòng chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện ở nước ta hiện nay.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà nguyên tắc phân hóa TNHS trong BLHS hiện hành vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho hoàn thiện. Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận về nguyên tắc phân hóa TNHS, luận văn cũng nêu ra một số kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế của Bộ luật hình sự hiện hành về phân hóa TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nhằm nâng cao hiệu quả công tác áp dụng luật hình sự trên thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Báu (2000), Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, tr.169.
3. Bộ chính trị, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 107.
4. Bộ Luật hình sự năm 2015
5. Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015
6. Bộ Tư pháp, Viện nghiên cứu khoa học pháp lý Bộ Tư pháp, Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.259.
7. Các Mác và Ph. Ăng ghen (1979), Tuyển Tập, tập 1, NXb. Sự thật, Hà Nội
8. Lê Cẩm (2002), Chế định miễn hình phạt và các chế định về chấp hành hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 4), tr.29
9. Lê Cẩm (2005), Chế định án treo và mô hình lý luận của nó trong luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 02), tr. 13-15.
10. Lê Văn Cẩm (2005), Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung), Sách chuyên khảo sau đại học, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.690.
11. Lê Cẩm, Đỗ Thị Phượng (2004), "Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên: Những khía cạnh pháp lý hình sự, tố tụng hình sự, tội phạm học và so sánh luật học", *Tòa án nhân dân*, tr.9.
12. Lưu Ngọc Cảnh (2010), Các hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo luật hình sự Việt Nam, Luận văn Thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.10,11.
13. Trần Văn Độ (1995), Các hình phạt không phải tù, trong sách Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Trần Văn Độ (1999), Vấn đề phân loại tội phạm, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 4) Các hình phạt không phải tù, trong sách Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam , tr. 26-32.
15. Nguyễn Đình Gấm (2002), "Nguyên nhân tâm lý xã hội của tội phạm vị thành

- niên", *Tâm lý học*, (số 5), tr.17.
16. Giáo trình Triết học Mác - Lênin (1999), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 21,22.
 17. Nguyễn Ngọc Hoà (2000), Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự trong BLHS năm 1999, *Tạp chí luật học*, (số 02), tr.40-43
 - Nguyễn Phương Thảo (2017), Thủ tục xét xử vụ án hình sự đối với người dưới
 18. 18 tuổi tại tòa án gia đình và người dưới 18 tuổi của một số quốc gia trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật* (số 5).
 19. Nguyễn Ngọc Hoà (2006), Giáo trình luật hình sự Việt Nam, tập 1, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr.261
 - Cao Thị Oanh (2006), Biểu hiện của nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự
 20. trong các quy định về chế tài hình sự thuộc phần các tội phạm, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật* (số 7).
 21. Cao Thị Oanh (2006), Hoàn thiện những quy định về trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật* (số 10).
 - Cao Thị Oanh (2008), Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự trong luật hình
 22. sự Việt Nam, *Luận án Tiến sĩ Luật học*, Trường Đại học luật Hà Nội, Hà Nội, tr.13,15,40.
 23. Đỗ Thị Minh Phượng (2002), Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự và sự thể hiện của nó trong BLHS năm 1999, *Luận văn Thạc sĩ Luật học*, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
 24. Lê Thị Thu Thủy, Nguyên tắc trách nhiệm hình sự trên cơ sở lỗi (2005), *Luận văn Thạc sĩ Luật học*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr.35, 39.
 25. Từ điển giải thích thuật ngữ luật học (1999), Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr.22.
 26. Từ điển giải thích thuật ngữ luật học (1999), Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr.22.
 27. Từ điển tiếng Việt của Trung tâm từ điển học Hà Nội - Đà Nẵng (1999), tr.678.
 28. Từ điển Tiếng Việt, Nxb. Đà Nẵng (2002), tr.771.
 29. Từ điển giải thích thuật ngữ luật học (Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự) của Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr.133.
 30. Đào Trí Úc (1995), Chính sách hình sự và hình phạt, trong sách *Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.84.

31. Đào Trí Úc (2000), Luật hình sự Việt Nam - Quyển 1 - Những vấn đề chung, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.229.
32. Phạm Hùng Việt (1998), Nguyên tắc phân hoá và cá thể hoá TNHS trong luật hình sự Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ luật học, Hà Nội, tr.9-24.
33. Trịnh Tiến Việt (2007), Những trường hợp miễn trách nhiệm hình sự quy định trong Phần chung BLHS Việt Nam năm 1999", *Tòa án nhân dân*, 1 (số 1).
34. Hồ Sỹ Sơn (2002), Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
35. Hồ Sỹ Sơn (2018), Luật hình sự so sánh, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật
36. Võ Khánh Vinh (1995), Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam, Nxb. Công an nhân dân.
37. Võ Khánh Vinh (2018), Luật hình sự Việt Nam phần chung, Nxb. Khoa học xã hội.
38. Võ Khánh Vinh (2018), Luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm, Nxb. Khoa học xã hội.
39. Võ Khánh Vinh, Cao Thị Oanh (2018), Luật thi hành án hình sự, Nxb. Khoa học xã hội.
40. Nguyễn Thị Xuân (2016), Những điểm mới trong BLHS 2015 về các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Tạp chí Luật học.